

ĐỀ CƯƠNG CÔNG NGHỆ 10

CHỦ ĐỀ 1. GIỐNG CÂY TRỒNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG – LÂM NGHIỆP	2
TIẾT 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÀNH NÔNG – LÂM – NGƯ NGHIỆP.....	2
Tiết 2. KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG	3
Tiết 3, 4. SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG.....	4
Tiết 5. THỰC HÀNH: XÁC ĐỊNH SỨC SỐNG CỦA HẠT	7
Tiết 6. ỨNG DỤNG CÔNG NUÔI CẤY MÔ TẾ BÀO TRONG NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG - LÂM NGHIỆP.....	8
Tiết 7. THỰC HÀNH: NHÂN GIỐNG MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ	10
CHỦ ĐỀ 2. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP	11
Tiết 8. MỘT SỐ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT TRỒNG	11
Tiết 9. THỰC HÀNH: XÁC ĐỊNH ĐỘ CHUA CỦA ĐẤT VÀ QUAN SÁT PHẪU DIỆN ĐẤT	13
Tiết 10. BIỆN PHÁP CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT MẶN- ĐẤT PHÈN.....	14
CHỦ ĐỀ 3. SỬ DỤNG VÀ SẢN XUẤT PHÂN BÓN	16
Tiết 11, 12. MỘT SỐ LOẠI PHÂN BÓN THƯỜNG DÙNG TRONG NÔNG- LÂM NGHIỆP.....	16
Tiết 13. THỰC HÀNH: TRỒNG CÂY TRONG DU NG ĐỊNH VÀ SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ TỪ RÁC THẢI SINH HOẠT.....	18
CHỦ ĐỀ 4. BẢO VỆ CÂY TRỒNG.....	20
Tiết 14. ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH, PHÁT TRIỂN CỦA SÂU BỆNH HẠI CÂY TRỒNG.....	20
Tiết 15. THỰC HÀNH NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI SÂU, BỆNH HẠI CÂY HOA MÀU.....	22
Tiết 16. PHÒNG TRỪ TỔNG HỢP DỊCH HẠI CÂY TRỒNG.....	23
Tiết 17. THỰC HÀNH: PHA CHẾ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TỪ TỎI-RIỀNG-GỪNG - ỚT	25
Tiết 18, 19: ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC HÓA HỌC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐẾN QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG	26
Tiết 20. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM BẢO VỆ THỰC VẬT.	27
CHỦ ĐỀ 5. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN NÔNG – LÂM SẴNG.....	29
Tiết 21. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN NÔNG- LÂM- THỦY SẢN	29
Tiết 22. BẢO QUẢN HẠT CỦ LÀM GIỐNG	30

Tiết 23, 24. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM.....	32
Tiết 25. CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CÂY CÔNG NGHIỆP VÀ LÂM SẢN	33
Tiết 26. THỰC HÀNH: CHẾ BIẾN XI RÔ TỪ QUẢ	35
Tiết 27. VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG QUÁ TRÌNH BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN.....	36
CHỦ ĐỀ 6. TẠO LẬP DOANH NGHIỆP	41
Tiết 28. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN KINH DOANH VÀ DOANH NGHIỆP.	41
Tiết 29. MỘT SỐ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP QUY MÔ NHỎ	43
Tiết 30. LỰA CHỌN LĨNH VỰC KINH DOANH	46
Tiết 31. THỰC HÀNH: LỰA CHỌN CƠ HỘI KINH DOANH	47
Tiết 32. XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH KINH DOANH	48
Tiết 33. THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP	49
Tiết 34,35. QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	51
Tiết 36. THỰC HÀNH: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH	53
Tiết 37, 38, 39. LẬP DỰ ÁN KINH DOANH	54
CHỦ ĐỀ 7. GIÁO DỤC TÀI CHÍNH.....	56
Tiết 40. TÌM HIỂU VỀ TIỀN VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC HỌC CÁCH QUẢN LÝ TIỀN BẠC HIỆU QUẢ	56
Tiết 41. NHU CẦU – MONG MUỐN. RA QUYẾT ĐỊNH CHI TIÊU	57
Tiết 42. TIẾT KIỆM.....	59
Tiết 43. THU NHẬP – CHI TIÊU. LẬP KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH CÁ NHÂN.....	61
Tiết 44. CÁC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	63
Tiết 45. GIAO TIẾP GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI VỀ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TIỀN BẠC.....	65

Chủ đề 1. GIỐNG CÂY TRỒNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG – LÂM NGHIỆP

Tiết 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÀNH NÔNG – LÂM – NGƯ NGHIỆP

MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

Hiểu và giải thích được tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.

2. Kỹ năng:

+ Kỹ năng phân tích, so sánh và tổng hợp kiến thức theo chủ đề

3. Thái độ:

Giáo dục ý thức tôn trọng lao động, tự hào dân tộc.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân: Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đóng góp

-
- Sản xuất và cung cấp
-
- Có vai trò quan trọng trong.....
- Số lượng lao động tham gia vào các ngành

2. Tình hình sản xuất của ngành Nông, Lâm, Ngư Nghiệp nước ta hiện nay:

2.1 Thành tựu:

-
- Bước đầu đã hình thành một số..... với
....., đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- Một số sản phẩm đã được
- VD: Gạo, cà phê, cá tra, cá ba sa, tôm, gỗ.
- Kim ngạch liên tục tăng đóng góp một phần không nhỏ vào GDP của cả nước.
- Đưa vào trong sản xuất nông nghiệp.

2.2 Hạn chế:

- còn thấp
- còn hạn chế, giá rẻ do chất lượng chế biến còn thấp, chủ yếu là bán sản phẩm thô.
- Cơ sở bảo quản chế biến
- Cơ cấu giống cây trồng vật nuôi còn thiếu
- Thị trường thiếu còn nhiều yếu tố bất ổn trong quá trình sản xuất, tiêu thụ, giá cả.

- 3. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Nông, Lâm, Ngư Nghiệp nước ta:** Tăng cường sản xuất để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.
- Xây dựng một nền nhanh và theo hướng nông nghiệp sinh thái.
 - Áp dụng vào lĩnh vực chọn, tạo giống vật nuôi, cây trồng để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
 - Đưa tiến bộ vào khâu bảo quản, chế biến sau thu hoạch để giảm bớt hao hụt sản phẩm và nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản.
 - Xây dựng vùng nông thôn, chú trọng đầu tư vào hệ thống giao thông thủy lợi.
 - Tăng cường công tác, đưa và mới có năng suất chất lượng cao hơn đi vào sản xuất.
 - Đẩy mạnh tạo thương hiệu cho Việt Nam .
 - Xây dựng và phát triển các sàn giao dịch tập trung là đầu mối để người nông dân tiếp cận thị trường cũng như các doanh nghiệp tiếp cận với nguồn sản xuất hạn chế khâu trung gian.

Tiết 2. KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. *Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:*
 - Nêu được mục đích, ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng.
 - Biết được nội dung của các thí nghiệm trong hệ thống khảo nghiệm giống cây trồng
2. *Kỹ năng:*

Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp đánh giá một vấn đề.
3. *Thái độ:*

Có ý thức giữ gìn, bảo vệ giống tốt, quý của địa phương.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Mục đích của công tác khảo nghiệm là gì?

-

.....

.

.....

–

.....

.

2. Các thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng

2.1. Nội dung của thí nghiệm so sánh giống

– Đối tượng:

.....

.....

- Chỉ tiêu so sánh:

.....

– Kết quả:

.....

2.2. Nội dung của thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật

– Mục đích: (x, c, phân
thời vô, mặt, chế, chế phân bản...)

- Phần vì: hình trong

.....

- Kết quả: Nếu giống mới đáp ứng được yêu cầu sẽ được

.....

..... rõ ràng SX ra thị
trường

2.3. Nội dung của thí nghiệm sản xuất quảng cáo

–Mục đích: Ý:

.....

- Nội dung:

C. BÀI TẬP

1. Công tác khảo nghiệm giống cây trồng sẽ được thực hiện khi nào?

- Khi muốn đưa còn phù hợp.
- Khi muốn cải tạo một giống cây trồng nào đó mà ban đầu có nhưng sau một thời gian sản xuất đã bị nhiều giống dẫn đến năng suất, chất lượng bị ảnh hưởng.

2. Giống mới nào không qua khảo nghiệm sẽ như thế nào?

- A. Sẽ không đạt hiệu quả cao
- B. Không biết được năng suất tin cậy yêu cầu kỹ thuật canh tác.
- C. Không đáp ứng được yêu cầu
- D. Sinh trưởng, phát triển chậm.

3. Tổ chức hội nghị đầu bờ được diễn ra ở thí nghiệm nào?

- A. So sánh giống
- B. Kiểm tra kỹ thuật
- C. Sản xuất quảng cáo
- D. Kiểm chứng

4. Xây dựng quy trình kỹ thuật gieo trồng cho 1 giống mới, sau khi thực hiện xong thí nghiệm :

- A. So sánh giống
- B. Sản xuất quảng cáo
- C. Kiểm tra kỹ thuật
- D. Kiểm chứng

Tiết 3, 4. SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Biết được mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng.
- Biết được quy trình sản xuất giống cây trồng.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng nhận xét, phân tích, so sánh tổng hợp.
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ.

3. Thái độ:

Nhận biết được tầm quan trọng của việc sản xuất giống cây trong sản xuất nông nghiệp và biết quý trọng những thành quả đạt được của ngành lai tạo giống.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Mục đích công tác sản xuất giống cây:

-

-

–

2. Hệ thống sản xuất giống cây trồng

Gồm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

.....

- Giai đoạn 2:

..... - Giai đoạn

3:

3. Quy trình sản xuất giống cây trồng

3.1. Quy trình sản xuất giống theo sơ đồ duy trì ở cây tự thụ phấn (đối với hạt giống do tác giả cung cấp hoặc hạt giống siêu nguyên chủng):

+ N^m th^ø 1:

.....

+ N^m th^ø 2:

.....

.

.....

+ N^m th^ø 3:

.....

+ N^m th^ø 4:

.....

3.2. Quy trình sản xuất giống ở cây trồng thụ phấn chéo:

- + *Vụ thứ nhất*: Chọn ruộng SX giống ở khu cách li, chia thành 500 ô. Gieo hạt của ít nhất 3000 cây giống SNC vào các ô. Mỗi ô chọn 1 cây đúng giống, thu lấy hạt và gieo thành 1 hàng ở vụ tiếp theo
- + *Vụ thứ 2*: Đánh giá thể hệ chọn lọc: Loại bỏ tất cả các hàng không đạt yêu cầu và những cây xấu trên hàng cây đạt yêu cầu trước khi tung phấn. Thu hạt của các cây còn lại trộn lẫn với nhau, ta có lô hạt SNC.
- + *Vụ thứ 3*: Nhân hạt giống SNC. Loại bỏ các cây không đạt yêu cầu trước khi tung phấn. Thu hạt của các cây còn lại, ta được lô hạt nguyên chủng

+ *Vụ thứ 4*: Nhân hạt giống NC. Loại bỏ cây xấu trước khi tung phân. Hạt của cây còn lại là hạt xác nhân

3.3. Quy trình sản xuất giống ở cây trồng nhân giống vô tính:

+	<i>Giai</i>	<i>đoạn</i>	1:
---	-------------	-------------	----

.....

+	<i>Giai</i>	<i>đoan</i>	2:
---	-------------	-------------	----

.....

+	<i>Giai</i>	<i>đoan</i>	3:
---	-------------	-------------	----

3.4. Quy trình sản xuất giống cây rừng:

+	<i>Giai</i>	<i>doan</i>	1:
---	-------------	-------------	----

.....

+ *Giao đoạn 2:*

Lưu ý: Giềng c@y r@ng cã thÓ nh©n ra b»ng h't hoÆc b»ng c«ng nghÖ nu«i cÊy m« vµ gi©m hom

C. BÀI TẬP

1. Phân biệt hạt giống NC, SNC, XN?

Giống Đặc điểm	Giống SNC	Giống NC	Giống XN
Nguồn gốc			
Chất lượng giống			
Nơi sản xuất			

			
--	-------	-------	-------

2. Tại sao giống nguyên chủng và giống siêu nguyên chủng lại được sản xuất ở cơ sở sản xuất giống chuyên nghiệp, còn giống xác nhận lại được sản xuất ở cơ sở liên kết?

–

.....

.

.....

–

.....

.....

3. Công tác khảo nghiệm giống cây trồng diễn racông tác sản xuất giống cây trồng:

- A. Trước
- B. Sau
- C. Song song với
- D. Giống với

4. Điểm giống nhau của quy trình sản xuất giống ở cây tự thụ phấn và sản xuất giống ở cây thụ phấn chéo là ?

- A. đều có thời gian sản xuất bằng nhau.
- B. đều tuân theo hệ thống sản xuất giống cây trồng
- C. đều phải trải qua nhiều năm
- D. đều được tiến hành ở cùng 1 nhà máy

Tiết 5. THỰC HÀNH: XÁC ĐỊNH SỨC SỐNG CỦA HẠT

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Xác định được sức sống của hạt một số cây trồng nông nghiệp.
- Thực hiện đúng quy trình, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường

2. Kỹ năng:

Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo có ý thức tổ chức kỷ luật.

3. Thái độ:

Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

I. CHUẨN BỊ

1. **Nguyên liệu:** 50- 100 hạt giống (hạt giống các loại hạt đậu, rau...)

2. Dụng cụ:

- khay ủ
- Giấy cuộn, bông gòn, cát hoặc đất ẩm.
- Nước

II. CÁCH TIẾN HÀNH

- Bước 1: Ngâm hạt giống trong nước ấm khoảng 4-5 tiếng
- Bước 2: Dùng bông gòn hoặc giấy ăn hoặc cát đã được thấm ướt trải đều ở đáy hộp, tiếp theo trải đều hạt đậu lên và sau đó phủ lên trên hạt 1 lớp bông gòn hoặc giấy hoặc cát cuối cùng cho 1 lượng nước vừa đủ ẩm.
- Bước 3: Đặt hộp ở nơi thoáng mát và luôn giữ ẩm.
- Bước 4: Sau khoảng 2 ngày đếm xem có bao nhiêu hạt nảy mầm, bao nhiêu hạt không nảy mầm. Hạt nảy mầm là hạt sống, hạt không nảy mầm là hạt chết.
- Bước 5: *Tính tỉ lệ % hạt sống : $C \% = (B/A) \cdot 100$ trong đó: B: số hạt sống, A: tổng số hạt thí nghiệm*

III. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM:

Tổng số hạt thí nghiệm (A)	Tổng số hạt chết	Tổng số hạt sống (B)	Tỉ lệ hạt sống C (%)

Trả lời các câu hỏi

1. Em hãy nêu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nảy mầm của hạt giống?

-

-

-

2. Em hãy thực hành quy trình trồng rau mầm xanh trong thùng xốp?

Bước 1: Ngâm hạt

- Hạt giống rửa sạch ngâm nước ấm ($45 \div 50^{\circ}\text{C}$) trong thời gian 2÷5h (tùy loại hạt: hạt dày vỏ ngâm lâu, hạt mỏng vỏ ngâm thời gian ít hơn).
- Ngâm hạt giống để sau khi ngâm ta có thể loại bỏ được các loại hạt lép, hạt sâu. Sau đó vớt ra để ráo. Mục đích của việc để ráo hạt là để dễ dàng khi gieo.

Bước 2: Làm giá thể

- Khay xới cho giá thể vào dày khoảng 2÷3cm. Làm cho bề mặt bằng phẳng để tránh bị dồn hạt khi gieo. Sau đó phun nước cho ướt giá thể. Trải giấy thấm lên trên bề mặt giá thể và phun nước lần 2.

Bước 3: Gieo hạt

- Gieo hạt giống bằng tay đều lên bề mặt giá thể. Mật độ gieo tùy thuộc vào loại hạt giống, nhưng trung bình khoảng 10gr hạt/40cm² bề mặt giá thể (hạt khít nhau, không chồng lên nhau).
- Tưới phun nhẹ một lần nữa. Dùng một tấm bìa cứng đậy bề mặt khay trong 2 ngày.

Bước 4: Chăm sóc cây

- Sau 2 – 3 ngày hạt nảy mầm đều, chuyển khay ra nơi có nhiều ánh sáng hoặc nắng nhẹ, tránh ánh sáng trực tiếp và mưa trực tiếp.
- Tưới nước mỗi ngày bằng bình phun, ngày 2 lần buổi sáng sớm và buổi chiều mát, tưới phun sương đều trên mặt khay.

Bước 5: Thu hoạch

- Dùng dao bén cắt sát gốc cây rau mầm (hoặc nhổ rau lên khỏi mặt đất, dùng kéo cắt bỏ rễ). Rửa lại bằng nước sạch và sử dụng được ngay.

TIẾT 6. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NUÔI CẤY MÔ TẾ BÀO TRONG NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Biết được thế nào là nuôi cấy mô tế bào, cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.
- Biết được quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào

2. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng nhận xét, liên hệ thực tế

3. Thái độ:

Có ý thức tôn trọng khoa học và say sưa nghiên cứu khoa học.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Khái niệm nuôi cấy mô tế bào ?

.....

2. Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào (Hs tự nghiên cứu)

3. Quy trình công nghệ nuôi cấy mô tế bào

3.1. Ý nghĩa của phương pháp nuôi cấy mô tế bào:

-

-
-
-

3.2. Quy trình nuôi cấy mô tế bào:

Bước 1:

Chọn TB của mô phân sinh (mô chưa bị phân hoá trong các đỉnh sinh trưởng của rễ, thân lá), không bị nhiễm bệnh

Bước 2:

Phân cắt đỉnh sinh trưởng thành các phân tử nhỏ, sau đó tẩy rửa bằng nước sạch và khử trùng

Bước 3:

Nuôi cấy mẫu trong môi trường dinh dưỡng nhân tạo để tạo chồi

Bước 4:

Khi chồi đạt tiêu chuẩn về chiều cao thì cắt chồi chuyển sang môi trường tạo rễ.(MT này có bổ sung chất kích thích sinh trưởng)

Bước 5:

Sau khi chồi cây đó ra rễ, cấy cây vào môi trường thích ứng để cây thích nghi dần với điều kiện tự nhiên

Bước 6:

Khi cây đạt tiêu chuẩn cây giống thì chuyển cây ra vườn ươm.

C. BÀI TẬP

1. Hiện nay việc áp dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào đã được bà con nông dân áp dụng đại trà chưa?

-
-

2. Em hãy nêu những thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong sản xuất giống cây trồng?

-
-
-
-

Tiết 7. THỰC HÀNH: NHÂN GIỐNG MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Biết được một số loại cây có khả năng làm giảm ô nhiễm không khí.
- Biết được kỹ thuật trồng một số loại cây bằng phương pháp nhân giống vô tính.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tài liệu, khả năng quan sát và kỹ năng làm việc nhóm.

3. Thái độ:

- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn môi trường sống xung quanh.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. CHUẨN BỊ:

- Dây trầu bà, cây lưỡi mèo, lưỡi hổ, cây dây nhện, cây dương xỉ.....
- Chậu nhựa.
- Đất dinh dưỡng
- Dao, kéo

2. CÁCH TIẾN HÀNH:

Bước 1: Cho đất dinh dưỡng vào 2/3 chậu nhựa và lắc nhẹ.

Bước 2: Trồng cây vào chậu:

Với dây trầu bà	Với cây lưỡi mèo hoặc lưỡi hổ	Với cây dây nhện	Với cây dương xỉ
Chọn lấy những dây trầu bà to, khỏe, cắt dây thành nhiều khúc, mỗi khúc chứa 2-4 lá sau đó vùi phần gốc của mỗi đoạn cành vào chậu nhựa rồi phủ đất lên khoảng 1/3 đoạn cành, dùng bình tưới 1 lượng nước vừa đủ ẩm và để một nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.	Có 2 cách trồng: giâm cành hoặc tách bụi + Phương pháp giâm cành: Chọn một chiếc lá non to khỏe, màu sắc đẹp, cắt ngang sát gốc. Không chọn lá già cũng không chọn lá quá non, cắt thành từng khúc dài khoảng 5 cm và để một thời gian cho những lát cắt này héo mặt. Sau đó, chôn khoảng 1/2 độ sâu của đất, lưu ý không chôn lá quá sâu. Đặt chậu ở nơi có nắng, không tưới quá nhiều nước và chờ lá ra rễ + Phương pháp tách bụi: Chọn những bụi có nhiều cây con, Đợi cây con lớn khoảng 2 tuần – 1 tháng sau đó tách cây con ra thành một cây mới riêng lẻ và trồng vào chậu.	Lấy một đoạn cây thân dài 5 – 10cm có mầm non cắm vào trong đất, sau 7 ngày cành sẽ mọc rễ mới, sau 20 ngày có thể chuyển vào chậu, tưới ẩm nước sau đó đặt ở nơi râm mát.	Thường dùng phương pháp tách gốc. Lấy cây cành từ trong chậu cũ ra, thay bỏ đất cũ và cắt đi những phần gốc đã hỏng, sau đó tách cây và rễ ra rồi trồng vào chậu.

Bước 3: Chăm sóc: Tưới nước theo nhu cầu của mỗi loại cây.

3. THU HOẠCH:

- Trình bày lại quy trình thực hiện.
- Sản phẩm được dùng để trang trí lớp hoặc khuôn viên trường.

Chủ đề 2. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP

Tiết 8. MỘT SỐ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT TRỒNG

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Biết được keo đất là gì.
- Biết được thế nào là khả năng hấp phụ của đất, thế nào là phản ứng của dung dịch đất.

2. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng nhận xét, phân tích so sánh

3. Thái độ:

Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường đất và áp dụng vào thực tiễn sản xuất.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. KEO ĐẤT VÀ KHẢ NĂNG HẤP PHỤ CỦA ĐẤT

1.1. Khái niệm keo đất:

Là những phân tử có kích thước khoảng , không trong nước mà ở trạng thái (Trạng thái lơ lửng)

1.2 Cấu tạo của keo đất:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

1.3. Khả năng hấp phụ của keo đất:

Lưu ý khả năng keo đất giữ lại các chất dinh dưỡng, các phân tử nhỏ như h'ên chỗ sù của chúng d-ĩi t'c đáng
cần

2. PHẢN ỨNG CỦA DUNG DỊCH ĐẤT

2.1. Phản ứng dung dịch đất là gì:

Phản ứng của dung dịch đất
..... của keo đất, do năng lượng
..... - quyết định

2.2. Phản ứng chua của keo đất:

- sẽ chua h'ot t'ính: Do
- sẽ chua tiềm tàng: Do

2.3 Phân công kiểm tra Đất:

Do thu thập mẫu
cho Đất học, kiểm tra

2.4 Ý nghĩa của phản ứng dung dịch đất:

3. ĐỘ PHÌ NHIÊU CỦA ĐẤT: (Hs tự nghiên cứu)

C. BÀI TẬP

1. Vì sao đất chua không tốt cho cây trồng?

-
-

2. Trong 2 loại độ chua độ chua nào dễ cải tạo hơn? vì sao?

-
-
-
-
-
-

Tiết 9. THỰC HÀNH: XÁC ĐỊNH ĐỘ CHUA CỦA ĐẤT VÀ QUAN SÁT PHẪU DIỆN ĐẤT

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- + Xác định được pH của đất
- + Biết cách quan sát phễu diện đất
- + Phân biệt được các tầng đất.
- + Thực hiện đúng quy trình, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

2. Kỹ năng:

- + Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp trong khi thiết lập các mối quan hệ với bạn bè, thầy, cô.
- + Kỹ năng thực hành: Lấy mẫu đất, cách đo độ pH của đất

3. Thái độ:

- + Tính cần thận, khéo léo, cẩn thận thực hiện kỹ thuật
- + Ý thức giữ gìn vệ sinh và bảo đảm an toàn lao động trong quá trình thực hành

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

I. CHUẨN BỊ :

1. **Mẫu vật:** 2 mẫu đất khô đã nghiền nhỏ, tranh ảnh về một số loại phẫu diện đất
2. **Dụng cụ:** Cân kỹ thuật, bình tam giác 100ml, ống đong dung tích 50ml
3. **Hoá chất:** Nước, dung dịch muối KCl

II. CÁCH TIẾN HÀNH

1. Nội dung 1: Xác định độ chua của đất

- Cân 2 mẫu đất, mỗi mẫu 20g, đổ mỗi mẫu vào 1 bình tam giác
- Dùng ống đong, đong 50ml dung dịch KCl 1N đổ vào bình tam giác thứ nhất và 50ml nước cất vào bình tam giác thứ 2.
- Dùng tay lắc 15 phút
- Lấy 2 mẫu quỳ tím, nhúng ngập khoảng 1/3 vào mỗi bình tam giác và quan sát màu sắc của quỳ tím sau khi nhúng.

2. Nội dung 2: Quan sát phẫu diện đất

- Giáo viên sưu tầm một số hình ảnh về phẫu diện đất và giới thiệu cho học sinh:
 - + Loại phẫu diện đất.
 - + Các tầng, độ sâu, màu sắc của các loại phẫu diện.

III. THU HOẠCH

- Mỗi học sinh làm báo cáo kết quả thực hành theo mẫu:

1. Xác định độ chua của đất:

Mẫu đất	Màu sắc quỳ tím	
	Môi trường H ₂ O	Môi trường KCl
1		
2		

2. Quan sát phẫu diện đất:

Tầng đất	Độ sâu (cm)	Màu sắc
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		

Câu hỏi:

1. Em có nhận xét gì về độ chua của đất ở địa phương của em?

.....

1. Theo em đất chua có tốt cho cây trồng hay không? vì sao?

Tiết 10. BIỆN PHÁP CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT MẶN - ĐẤT PHÈN

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Biết được sự hình thành, tính chất của đất mặn, đất phèn .
- Biết được biện pháp cải tạo và sử dụng đất mặn ,đất phèn.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng nhận xét, phân tích so sánh, liên hệ thực tế đưa ra giải pháp phù hợp

2. Thái độ:

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

Bài tập : Em hãy nghiên cứu SGK bài 10: **BIỆN PHÁP CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT MẶN, PHÈN** và hoàn thành nội dung sau:

Loại đất Tiêu chí	Đất mặn	Đất phèn
Khái niệm		
Nguyên nhân hình thành	- -	
Đặc điểm, tính chất	- - -	- - -

	-	 - -
Biện pháp cải tạo	- + + - - - - - 	- - - - - -
Hướng sử dụng	- - - - 	- -

3. BÀI TẬP

1. Em hãy cho biết Vi sinh vật có vai trò gì trong đất?

.....

2. Vôi có tác dụng gì trong quá trình cải tạo đất mặn, phèn?

.....

CHỦ ĐỀ 3. SỬ DỤNG VÀ SẢN XUẤT PHÂN BÓN

TIẾT 11, 12: MỘT SỐ LOẠI PHÂN BÓN THƯỜNG DÙNG TRONG NÔNG- LÂM NGHIỆP

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Biết được đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thường dùng.
- Biết được một số loại phân hóa học, hữu cơ, phân vi sinh thường sử dụng trong trồng trọt.

2. Kỹ năng

- Nghiên cứu, tóm tắt nội dung.
- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm.

3. Thái độ:

Có thái độ nghiêm túc trong quá trình sử dụng và lựa chọn phân bón cho cây trồng.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1.TÌM HIỂU MỘT SỐ LOẠI PHÂN BÓN THƯỜNG DÙNG

	Phân hóa học	Phân hữu cơ	Phân vi sinh
Khái niệm	Là loại phân bón được SX theo quy trình, có sử dụng 1 số nguyên liệu	Bao gồm tất cả các vùi vào đất để duy trì và nâng cao.....của đất	Là loại phân bón có chứa các loàicó định đạm, chuyển hoá lân hoặc VSV phân giải chất hữu cơ
Phân loại	+: chứa 1 nguyên tố dinh dưỡng. VD: Phân Kali, lân, đạm.... +: chứa 2 hoặc nhiều ntố dinh dưỡng. VD: phân hỗn hợp N,P,K....	- Phân hữu cơ truyền thống: - Phân hữu cơ công nghiệp:	- Phân VS - Phân VS - Phân VS
	- Ưu điểm: + Chứa ít	- Ưu điểm:	- Ưu điểm:

Đặc điểm	nhưng tỉ lệ cao + Dễ (trừ Ph lân) nên cây và có - Nhược điểm: + Bón trong nhiều năm sẽ làm cho đất bị + Gây và ảnh hưởng con người.	+ Chứa nhiều + Bón liên tục nhiều năm - Nhược điểm: + Có và không ổn định + Hiệu quả	Không - Nhược điểm: + Thời hạn sử dụng (do khả năng sống và thời gian tồn tại của VSV phụ thuộc vào ngoại cảnh) + Mỗi loại phân chỉ thích hợp vớihoặc..... nhóm cây trồng nhất định
Cách sử dụng	- Phân,: bón thúc là chính, nếu bón lót phải bón với lượng nhỏ - Phân: bón lót - Phân: có thể dùng bón lót hoặc bón thúc	- Bón là chính, nhưng trước khi sử dụng phải	- Có thể hoặcvào hạt, rắc cây trước khi gieo trồng - Bón vào đất để tăng số lượng VSV có ích cho đất

2. PHÂN VI SINH

Loại phân	Sinh nhũ	Thành phần	Kỹ thuật sử dụng
Nguyên lý sản xuất phân vi sinh	- Quy trình : Nhân giống, Phối trộn chủngđặc hiệu với 1 loại chất nền thường dùng than bùn) - Thành tựu: SX được các loại phân VSV cố định đạm, chuyển hoá lân, phân giải chất hữu cơ trong đất		
Phân VSV chế phẩm	- Là loại phân đã chứa C_3C nấmsống cộng sinh với cây họ đậu (nitragin) hoặc sống hội sinh với cây lúa và một số cây trồng khác (azogin)	- -nốt sản cây họ đậu, - Chất khoáng, nguyên tố vi lượng	- Tắm vào hạt giống trước khi gieo hoặc bón trực tiếp vào đất

Phân VSV chuyển ho, lón	- Lũ lo'i phân cũ chĩa (photphobacterin) hoÆc chuyển ho,	- - - -	- Tầm vào hạt giống trước khi gieo hoặc bón trực tiếp vào đất
Phân VSV phân giới chĩt h÷u c-	- Lũ lo'i phân cũ chĩa	- -	- Bón trực tiếp vào đất

C. BÀI TẬP

1. Theo em phân bón mang lại những lợi ích và hạn chế gì cho cây trồng, con người và môi trường...?

a. Lợi ích:

- + Cung cấp
- + Phân hữu cơ có tác dụng

b. Hạn chế: Nếu sử dụng phân bón không hợp lý sẽ dễ gây tình trạng:

- +
- +
- +
- +

2. Nhược điểm của phân vi sinh là:

- A. Mỗi loại phân chỉ thích hợp với 1 loại cây hoặc 1 nhóm cây trồng nhất định
- B. Có thành phần và tỷ lệ chất dinh dưỡng không ổn định
- C. Dễ làm cho đất bị chua
- D. Hiệu quả chậm

3. Loại phân nào thường được bà con nông dân sử dụng để cải tạo đất trồng :

- A. Phân vi sinh
- B. Phân hóa học
- C. Phân Hữu cơ
- D. Phân lân

Tiết 13. THỰC HÀNH: TRỒNG CÂY TRONG DUNG DỊCH VÀ SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ TỪ RÁC THẢI SINH HOẠT

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Kiến thức: Sau khi học xong tiết này, HS phải:

- Biết được kỹ thuật trồng cây trong dung dịch.
- Biết được cách ủ phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt
- Thực hiện đúng quy trình, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường

2. Kỹ năng:

Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo có ý thức tổ chức kỷ luật trật tự

3. Thái độ:

- Giáo dục ý thức biết bảo vệ môi trường sống tốt hơn.
- Ý thức hơn trong quá trình phân loại rác loại rác sinh hoạt trong gia đình và cộng đồng.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

I. CHUẨN BỊ :

1. Thí nghiệm 1: Sản xuất phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt

- Dung dịch dinh dưỡng
- Cây giống rau, hoa, màu
- Quỳ tím.
- Thùng xốp
- Túi ni lông
- Kéo hoặc dao

2. Thí nghiệm 2: Trồng cây trong dung dịch:

- Rác thải sinh hoạt (rau, củ, quả hư, bã trà, bã cà phê...)
- Phân vi sinh
- Dung dịch H_2SO_4 0,2% và dung dịch NaOH 0,2%
- Ống hút dung tích 10ml.
- Cốc thủy tinh 1000 ml
- Bình nhựa màu có nắp đậy đã đục lỗ.

II. CÁCH TIẾN HÀNH

Thí nghiệm 1: Sản xuất phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt

- Bước 1: Cắt nhỏ rác thải hữu cơ
- Bước 2: Cho rác đã cắt nhỏ vào thùng xốp
- Bước 3: Cho một ít phân vi sinh nhằm thúc đẩy quá trình lên men diễn ra nhanh hơn
- Bước 4: Cho một ít nước vào
- Bước 5: Có thể phủ 1 lớp bao ni lông lên trên và đậy nắp thùng xốp lại

Thí nghiệm 2: Trồng cây trong dung dịch:

- Bước 1: Chuẩn bị dung dịch dinh dưỡng phù hợp với mỗi loại cây
- Bước 2: Điều chỉnh pH của dung dịch dinh dưỡng
- Bước 3: Chọn cây
- Bước 4: Trồng cây trong dung dịch
- Bước 5: Theo dõi sinh trưởng của cây

III. THU HOẠCH

- Yêu cầu học sinh quay clip hoặc chụp hình lại quá trình thực hiện ủ phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt.
- Sử dụng thành phẩm để bón cho cây trồng trong vườn.
- Theo dõi sinh trưởng của cây trồng trong dung dịch

Chỉ tiêu theo dõi	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	...	Tuần n
Chiều cao của phần trên mặt nước (cm)					
Màu sắc lá					
Sự phát triển của rễ					
Hoa					
Quả					

CHỦ ĐỀ 4. BẢO VỆ CÂY TRỒNG

Tiết 14. ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH, PHÁT TRIỂN CỦA SÂU BỆNH HẠI CÂY TRỒNG

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Hiểu được điều kiện phát sinh phát triển của sâu và bệnh hại cây trồng.
- Nắm được các điều kiện để sâu bệnh phát triển thành dịch.
- Hiểu được tác dụng của các biện pháp phòng trừ nguồn sâu, bệnh hại

2. Kỹ năng:

- Vận dụng vào thực tế, đề ra các giải pháp hạn chế sự phát triển của sâu, bệnh hại

3. Thái độ:

- Hình thành ý thức bảo vệ môi trường, vệ sinh đồng ruộng

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. NGUỒN SÂU, BỆNH HẠI

1.1. Sâu, bệnh hại thường tiềm ẩn ở đâu?

-

-

1.2. Để ngăn ngừa sâu bệnh phát triển, từ lâu nhân dân ta đã áp dụng các biện pháp kĩ thuật nào và tác dụng của các biện pháp đó là gì?

-

-

1.3. Thế nào là ổ dịch? Khi nào ổ dịch phát triển thành dịch ?

- Ổ dịch là nơi của sâu, bệnh để phát triển rộng ra trên đồng ruộng.

- Ổ dịch sẽ phát triển thành dịch khi nguồn sâu bệnh gặp

.....

2. ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG, ĐẤT ĐAI, HẠT GIỐNG VÀ CHẾ ĐỘ CHĂM SÓC ĐẾN QUÁ TRÌNH PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SÂU BỆNH HẠI CÂY TRỒNG

Nội dung Các yếu tố	Ảnh hưởng	Các biện pháp khắc phục
1.Nhiệt độ môi trường.	- Ảnh hưởng trực tiếp đến sự..... và của sâu hại và, của bệnh hại.	- Điều chỉnh thích hợp. - Chọn phù hợp.
2.Độ ẩm không khí, lượng mưa.	- Ảnh hưởng trực tiếp đến sâu hại. - Ảnh hưởng gián tiếp qua → Độ ẩm cao, mưa nhiều sâu, bệnh nhiều.	- Chọn thích hợp. - gieo trồng vừa phải. -
3.Điều kiện đất đai	- cây trồng không thể phát triển bình thường nên rất dễ bị sâu bệnh phá hoại - Ví dụ: + Thừa đạm: Đạo ôn, bạc lá... + Đất chua: Bệnh tiêm lửa...	- -
4.Điều kiện về giống cây trồng và chế độ chăm sóc	- <i>Sử dụng giống</i> : Bị nhiễm sâu, bệnh và không chống chịu sâu, bệnh - <i>Chế độ chăm sóc</i> : Mất cân đối giữa nước và phân bón, Bón nhiều phân hóa học, ngập úng và nhiều vết xây xát	- - -

Tiết 15. THỰC HÀNH: NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI SÂU, BỆNH HẠI CÂY HOA MÀU
A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. *Kiến thức*: Sau khi học xong tiết này, học sinh cần phải:

- Nhận biết được một số đặc điểm, hình thái của một số loài sâu, bệnh hại cây trồng phổ biến.
- Nhận xét chính xác về hình dáng và đẹp

2. *Kỹ năng*:

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, tổ chức nhóm

3. *Thái độ*:

- Tính cẩn thận, khéo léo, có ý thức tổ chức kỷ luật
- Ý thức giữ gìn vệ sinh và đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thực hành.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

I. CHUẨN BỊ :

- Giấy A1
- Bút chì.
- Bút màu.

II. CÁCH TIẾN HÀNH

3. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về 1 loài sâu hại và 1 bệnh hại trên cây trồng hoa màu phổ biến ở địa phương của mình (đã giao ở tiết trước) và trình bày kết quả tìm hiểu theo bảng sau:

Tên sâu bệnh hại	Kết quả				Đặc điểm gây hại
	Trứng	Sâu non	Nhộng	Sâu trưởng thành	
1. Sâu hại:					
2. Bệnh hại:					

4. Căn cứ vào đặc điểm hình thái của sâu, bệnh hại mà nhóm đã nghiên cứu. Hãy vẽ vòng đời của chúng, có chú thích.

5. Đại diện mỗi nhóm lên báo cáo sản phẩm của nhóm.

Tiết 16. PHÒNG TRỪ TỔNG HỢP DỊCH HẠI CÂY TRỒNG

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. *Về kiến thức*: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Hiểu khái niệm phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.
- Hiểu được nguyên lý phòng trừ tổng hợp dịch hại.

- Hiểu được nội dung, ưu và nhược điểm của các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cho cây trồng.
2. Về kỹ năng:
- Rèn năng lực tư duy phân tích.
3. Về thái độ:
- Có ý thức phòng trừ dịch hại cây trồng kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng nông nghiệp bền vững.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Khái niệm phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng

- Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng là

2. Nguyên lý cơ bản phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng

-
-
-
-

3. Các biện pháp chủ yếu của phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng

Biện pháp	Nội dung	Ưu điểm	Nhược điểm
1.Kĩ thuật	Cày bừa, tiêu hủy tàn dư cây trồng, tưới tiêu, bón phân hợp lý, luân canh cây trồng, gieo trồng đúng thời vụ.		
2. Sinh học	Sử dụng sinh vật & sản phẩm sinh vật → tiêu diệt dịch hại.		
3. Hóa học	Sử dụng thuốc hóa học để trừ dịch hại cây trồng.		- - -
4. Sử dụng giống chống chịu sâu, bệnh	Sử dụng các giống cây trồng mang gen chống chịu hoặc hạn chế ngăn ngừa sự phát triển của dịch hại.		

5. Cơ giới, vật lý	Bẫy ánh sáng, mùi vị...; Bắt bằng vợt, tay...		
6. Điều hòa	Giữ cho dịch hại chỉ phát triển ở mật độ nhất định → giữ cân bằng sinh thái.		

C. BÀI TẬP

1. Trong canh tác bà con nông dân thường dùng biện pháp nào để phòng trừ sâu bệnh hại?

-

2. Vì sao phải áp dụng phòng trừ tổng hợp?

Vì mỗi biện pháp phòng trừ đều có những và nhất định. Vì vậy sử dụng phối hợp các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại để các biện pháp nhằm phát huy hiệu quả cao nhất

1. Biện pháp hóa học sẽ được sử dụng vào thời điểm nào trong việc phòng trừ tổng hợp dịch hại cho cây trồng?

.....

Tiết 17: THỰC HÀNH:

PHA CHẾ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TỪ TỎI – RIỀNG- GỪNG - ỚT

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được lợi ích của thuốc bảo vệ thực vật làm từ thảo dược.

2. Về kỹ năng:

- Biết cách pha chế thuốc trừ sâu làm từ Tỏi, Gừng, Riềng, Ớt..

- Thực hiện đúng quy trình, vệ sinh, an toàn.

3. Về thái độ:

- Có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

I. CHUẨN BỊ :

1. Nguyên liệu:

- 0,5 Kg ớt cay
- 0,5 Kg tỏi.
- 0,5 Kg gừng.
- 0,5 Kg củ Riềng hoặc hành củ
- 1,5 lít riệu đế.

2. Dụng cụ:

- Bình nhựa hoặc thủy tinh.

- Cối giã hoặc máy xay sinh tố.
- Muồng

II. CÁCH TIẾN HÀNH

Bước 1: Làm sạch nguyên liệu.

Bước 2: Cho tất cả vào máy xay sinh tố xay nhuyễn hoặc cho vào cối giã nhuyễn hỗn hợp.

Bước 3: Cho tất cả hỗn hợp vào bình và đổ riệu đế vào, trộn đều.

Bước 4: Bảo quản khoảng 2 tuần.

Lưu ý:

Sau 2 tuần chúng ta có thể dùng rây lọc lấy nước, sử dụng bao nhiêu lọc bấy nhiêu. Bã chúng ta cho lại vào bình. Để phun cho cây chúng ta pha với nước theo tỷ lệ 20ml hỗn hợp :1lít nước rồi phun trực tiếp lên sâu bệnh, nên phun vào lúc trời râm mát.

III. THU HOẠCH:

- Hs trình bày lại quy trình pha chế.
- Sử dụng hỗn hợp dung dịch để phun cho rau quả trong vườn nhà.

Câu hỏi: Lợi ích của thuốc bảo vệ thực vật hỗn hợp Tỏi, Ớt, gừng, Riềng:

-
- +
- +
- +
- +
-

Tiết 18, 19: ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC HÓA HỌC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐẾN QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.
- Hiểu được một số biện pháp hạn chế những ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm
- Thu thập và xử lý thông tin

3. Về thái độ:

Quan tâm, biết bảo vệ môi trường sống xung quanh.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật

1.1. Ảnh hưởng xấu:

-
-
-

1.2 Nguyên nhân:

-
-
- +
- +
- +

2. Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến môi trường?

2.1. Ảnh hưởng xấu:

-
-

2.2. Nguyên nhân:

-

3. Biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường

Khi sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Chỉ dùng thuốc hóa học bảo vệ thực vật khi
- Sử dụng các loại thuốc có tính trong môi trường.
- Sử dụng đúng thuốc:
- Trong quá trình bảo quản, sử dụng thuốc hóa học BVTV cần tuân thủ quy định về
-

C. BÀI TẬP

Câu 1. Em hãy kể tên một số loại thuốc hóa học bảo vệ thực vật mà em biết?

Câu 2. Khi phát hiện ổ dòch, cần sử dụng thuốc hoá học như thế nào để có hiệu quả nhất đối với cây trồng?

- A. Phun vào lúc sáng sớm hoặc chiều tối khi trời mưa để tránh hại cho cây trồng.
- B. Chọn ruộng loại thuốc trừ sâu, bệnh như hiệu quả nhất đối với ổ dòch.
- C. Nhúng vào vại thuốc cao cho phép dễ dàng tẩy nhanh.
- D. Sử dụng phối hợp nhiều loại thuốc khác nhau.

Câu 3: Nên phun thuốc hoá học bảo vệ thực vật khi:

- A. Trước khi gieo trồng
- B. Phát hiện sâu, bệnh hại trên đồng ruộng.

- C. Dịch hại đạt đến ngưỡng gây hại
- D. Khi sắp thu hoạch

Câu 4: Vì sao thuốc hóa học bảo vệ thực vật thường được bà con nông dân lựa chọn trong quá trình canh tác:

- A. Dễ sử dụng
- B. Giá thành rẻ
- C. Thuốc có phổ độc rộng tiêu diệt được nhiều loại sâu bệnh, hiệu quả nhanh
- D. An toàn với môi trường và con người

Tiết 20. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM BẢO VỆ THỰC VẬT

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được thế nào là chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật.
- Biết được cơ sở khoa học và quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn, vi rút và nấm trừ sâu.

2. Về kỹ năng:

Rèn kỹ năng tìm hiểu SGK, phân tích so sánh...

3. Về thái độ:

Quý trọng những thành tựu khoa học đã có, khơi dậy sự tò mò và đam mê nghiên cứu

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

<i>Chế phẩm</i> <i>Tiêu chí</i>	CHẾ PHẨM VI KHUẨN TRỪ SÂU	CHẾ PHẨM VI RÚT TRỪ SÂU	CHẾ PHẨM NẤM TRỪ SÂU
Đặc điểm chế phẩm:	- Chế phẩm - Chứa có tinh thể Pr độc ở giai đoạn bào tử	- Tên chế phẩm: - Chứa vi rút N.P.V gây độc cho	- Tên chế phẩm: - Chế phẩm chứa nấm <i>Beaveria bassiana</i> gây bệnh cho sâu
Cơ chế tiêu diệt sâu hại:	Sâu nuốt bào tử có → bị tê liệt → chết sau 2 – 4 ngày.	<i>Bước 1:</i> Sâu non nhiễm virus nhân đa diện (N.P.V) qua đường <i>Bước 2:</i> Chọc thủng gây ra sự tổn thương làm chúng ngừng ăn. <i>Bước 3:</i> Sâu (mô tan rã), màu sắc và	<i>Bước 1:</i> Bào tử nấm gặp sâu hại <i>Bước 2:</i> Bào tử nấm nảy thành và phát triển trong cơ thể. <i>Bước 3:</i> Làm tiêu hao các tế bào bạch huyết.....

		độ căng cơ thể biến đổi và chết sau 2-3 ngày.	và Sâu chết sau vài ngày.
Đối tượng phòng trừ:	Thuốc trừ sâu Bt diệt được:	Thuốc trừ sâu N.P.V diệt:	Thuốc trừ sâu Bb diệt sâu :
Quy trình sản xuất	Giống gốc → Sản xuất giống cấp 1 → Cây giống sản xuất → Ủ và theo dõi quá trình lên men → Thu hoạch và tạo chế phẩm.	Nuôi sâu giống → Nuôi sâu hàng loạt → Nhiễm bệnh vi rút cho sâu → Pha chế chế phẩm → Sấy khô → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói.	Giống thuần → Môi trường nhân sinh khối → Rải mỏng để hình thành bào tử trong điều kiện thoáng khí → Thu sinh khối nấm → Sấy, đóng gói, bảo quản, sử dụng.

C. BÀI TẬP

1. Ưu điểm của thuốc trừ sâu vi sinh:

- Không độc hại cho, không
- Chưa tạo nên tính của sâu hại
- Không ảnh hưởng đến nông sản
- Không làm mất đi
- Hiệu quả kéo dài vì chúng có thể cho thế hệ tiếp theo.

2. Nhược điểm của thuốc trừ sâu vi sinh:

- Tác động của thuốc trừ sâu vi sinh nên hiệu quả.....
- Hiệu quả ban đầu
- Phổ tác dụng
- Sử dụng không đúng kỹ thuật không
- Công nghệ sản xuất phức tạp nên

CHỦ ĐỀ 5. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CÂY TRỒNG

Tiết 21. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN NÔNG- LÂM- THỦY SẢN

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Hiểu được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản.
- Biết được đặc điểm cơ bản của nông lâm, thủy, sản. Từ các đặc điểm của nông lâm thủy sản, giải thích được vì sao phải bảo quản và chế biến nông lâm thủy sản.
- Biết được ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến chất lượng nông lâm thủy sản trong bảo quản và chế biến.

2. Về kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng tư duy logic.

3. Về thái độ:

Có ý thức tôn trọng và tuân thủ các hướng dẫn về bảo quản các loại thực phẩm hoặc đồ dùng gia đình có nguồn gốc từ nông, lâm, thủy sản.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Mục đích của công tác bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy, hải sản.

1.1/ Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản nông lâm thủy sản::

-
-

1.2/ Mục đích, ý nghĩa của công tác chế biến nông lâm thủy sản:

-
-
-

2. Đặc điểm nông, lâm, thủy hải sản

-
-: Rau quả 70-95%; thịt, cá từ 50-80%, Khoai, sắn 60-70%, ngũ cốc từ 20-30%
-
-

3. Ảnh hưởng như thế nào đến quá trình bảo quản Nông, lâm, thủy sản?

3.1. Độ ẩm

Độ ẩm không khí cao làm cho nông, lâm, thủy sản khô sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho và gây hại phát triển và phá hoại. Độ ẩm thích hợp cho bảo quản thóc, gạo là từ rau, quả tươi là

3.2. Nhiệt độ không khí: Nhiệt độ tăng thì:

- Hoạt động của làm cho nông, lâm, thủy sản dễ bị
- Các phản ứng sinh hóa làm cho nông lâm thủy sản dẫn đến chất lượng giảm .

3.3. Sinh vật gây hại:

Sinh vật gây hại gồm: vsv, các loại động vật gây hại: côn trùng, sâu bọ, chim ... khi gặp điều kiện thuận lợi, chúng xâm nhập gây hư hỏng và hao hụt về số lượng.

Bài tập về nhà:

1. Vì sao nông, lâm, thủy sản rất dễ bị hư hỏng nếu chúng không được bảo quản tốt?

-
-

2. Em hãy giải thích vì sao sau khi sấy khô ngũ cốc chúng ta phải để nguội rồi mới đóng gói?

3. Em hãy giải thích tại sao chúng ta được khuyến cáo thực phẩm để trong tủ lạnh khi lấy ra chúng ta phải sử dụng ngay không nên để ở môi trường tự nhiên một thời gian lâu rồi lại cho vào tủ lạnh để bảo quản?

Tiết 22: BẢO QUẢN HẠT, CỦ LÀM GIỐNG

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

Biết được mục đích và phương pháp bảo quản hạt giống và củ giống.

2. Về kỹ năng:

Rèn kỹ năng quan sát, đánh giá, tổng hợp tài liệu.

3. Về thái độ:

Thấy được tầm quan trọng của việc bảo quản củ, hạt làm giống.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC:

1. BẢO QUẢN HẠT GIỐNG

1.1. Tiêu chuẩn hạt giống:

- +
- +
- +

1.2 Các phương pháp bảo quản hạt giống:

- + Bảo quản trong điều kiện nhiệt độ và ẩm độ bình thường.
- + Bảo quản trong điều kiện lạnh: $t^{\circ}\text{C} = 0^{\circ}\text{C}$, $A^0 = 35\% - 40\%$.
- + Bảo quản: $t^{\circ}\text{C} = -10^{\circ}\text{C}$, $A^0 = 35 - 40\%$.

1.3. Quy trình bảo quản hạt giống:

Bước 1:

Bước 2:

Bước 3:

Bước 4:

Bước 5:

Bước 6:

Bước 7:

Bước 8:

Chú ý: Để tránh tình trạng hạt giống bị pha tạp, phải tiến hành bảo quản phải sạch trước khi cho hạt giống vào để bảo quản.

2. BẢO QUẢN CỦ GIỐNG

2.1. Tiêu chuẩn củ giống:

-

-

-

-

-

-

2.2. Phương pháp bảo quản củ giống:

Thường bảo quản trong điều kiện bình thường hoặc trong kho lạnh ở nhiệt độ từ, độ ẩm không khí từ

2.3 Quy trình bảo quản:

Bước 1:

Bước 2:

Bước 3 :

Bước 4:

Bước 5:

C. BÀI TẬP

1. Trong các phương pháp bảo quản rau, hoa, quả tươi, phương pháp nào phổ biến nhất và mang lại hiệu quả cao nhất?

- A. Bảo quản ở điều kiện thường
- B. Bảo quản bằng hóa chất
- C. Bảo quản bằng phương pháp làm lạnh.

- D. Bảo quản bằng phương pháp chiếu xạ.
- 2. Ý nghĩa của việc làm khô trong quy trình bảo quản hạt giống là**
- A. làm giảm độ ẩm trong hạt.
 - B. làm tăng độ ẩm trong hạt.
 - C. làm cho chín những hạt còn xanh khi thu hoạch.
 - D. diệt mầm bệnh, vi khuẩn.
- 3. Vì sao trong quá trình bảo quản các loại hạt giống thì cần phải làm khô?**
- A. Để hạt dễ nảy mầm.
 - B. Để hạn chế sự nảy mầm sớm của hạt.
 - C. Kéo dài thời gian bảo quản
 - D. Hạn chế sự xâm nhập của mối mọt.
- 4. Gạo sau khi tách trấu gọi là gì ?**
- A. Tầm
 - B. Gạo cao cấp
 - C. Gạo lật (gạo lứt)
 - D. Gạo thường dùng

Tiết 23, 24: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được các loại kho và các phương pháp bảo quản lương thực, thực phẩm.
- Nắm bắt được một số quy trình chế biến lương thực, thực phẩm
- Biết được một số phương pháp chế biến lương thực, thực phẩm.

2. Về kỹ năng:

- Biết lựa chọn các phương pháp bảo quản phù hợp với nhóm lương thực, thực phẩm.
- Nghiên cứu tài liệu, tóm tắt nội dung.

3. Về thái độ:

Quý trọng những thành quả lao động của các ngành nghề sản xuất.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC.

1. BẢO QUẢN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM

1.1. Các phương pháp bảo quản lương thực, thực phẩm

-
-
-
-

1.2. Các phương pháp bảo quản rau hoa quả tươi.

-

-
-
-

1. 3. Một số quy trình bảo quản lương thực, thực phẩm

a. Quy trình bảo quản thóc, ngô.

-
-

b. Quy trình bảo quản sắn lát khô:

-
-

b. Quy trình bảo quản khoai lang tươi:

-
-

d. Quy trình bảo quản rau, hoa, quả tươi bằng phương pháp lạnh:

-

2. CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM

2.1. Một số phương pháp chế biến sắn phổ biến?

-
-
-
-
-
-
-

2.2 Một số phương pháp chế biến củ rau, củ, quả

-
-
-
-

2.3. Một số quy trình chế biến lương thực, thực phẩm

a. Quy trình chế biến gạo từ thóc:

.....

b. Quy trình công nghệ chế biến tinh bột sắn:

.....

.....

c. Quy trình công nghệ chế biến rau, quả theo phương pháp đóng hộp:

.....

.....

.....

Tiết 25: CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CÂY CÔNG NGHIỆP VÀ LÂM SẢN

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được một số phương pháp chế biến chè, cà phê.
- Hiểu được quy trình sản xuất trà xanh.
- Biết được một số sản phẩm chế biến từ lâm sản.

2. Về kỹ năng:

Nghiên cứu tài liệu và liên hệ thực tế.

3. Về thái độ:

Quan tâm đến các ngành nghề truyền thống.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. CHẾ BIẾN CHÈ

1.1 Một số phương pháp chế biến chè:

+

+.....

+

+

1.2 Quy trình chế biến

.....

.....

2. CHẾ BIẾN CÀ PHÊ

2.1. Một số phương pháp chế biến cà phê nhân

+

+

2.2 Quy trình chế biến

Bước 1:

Bước 2:

Bước 3:

Bước 4:

Bước 5:

Bước 6:

Bước 7:

Bước 8:

Bước 9:

Bước 10:

Bước 11:

Bước 12:

3. CHẾ BIẾN GỖ

Một số sản phẩm chế biến từ gỗ:

+

+

+.....

+.....

C. BÀI TẬP

1. Theo em vì sao trong quy trình chế biến chè xanh người ta phải làm héo và diệt men trong lá chè?

.....
.....
.....
.....

2. Loại chè nào được sử dụng phổ biến ở Việt Nam?

- A. Chè xanh
- B. Chè đen.
- C. Chè vàng
- D. Chè đỏ

3. Cà phê sau khi xát bỏ vỏ trấu gọi là cà phê gì?

- A. Cà phê thóc
- B. Cà phê nhân
- C. Cà phê thóc thành phẩm
- D. Cà phê bột

Tiết 26. THỰC HÀNH: CHẾ BIẾN XI RÔ TỪ QUẢ

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được quy trình làm xi rô từ quả bằng phương pháp đơn giản.
- Biết lựa chọn được loại trái cây đạt chất lượng

2. Kỹ năng:

- Thực hiện đúng thao tác, đúng quy trình.
- Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm.

3. Thái độ:

- Có ý thức kỷ luật, giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm và đảm bảo an toàn lao động.
- Ứng dụng vào cuộc sống.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

I. CHUẨN BỊ :

1. Nguyên liệu:

- 1kg Trái cây tươi làm xi rô (nho, dâu, mơ, mận....)
- 1kg - 1,5 kg đường cát trắng
- Muối

2. Dụng cụ:

- Lọ thủy tinh đã rửa sạch.

II. CÁCH TIẾN HÀNH

Bước 1: Trái cây tươi ngon được chọn lựa cẩn thận, loại bỏ những quả bị giập, quả bị sâu, rửa sạch để ráo nước.

Bước 2: Xếp quả vào lọ thủy tinh, cứ một lớp quả một lớp đường, chú ý dành một phần đường để phủ kín lớp quả trên cùng nhằm hạn chế sự lây nhiễm của vi sinh vật. Sau đó đậy lọ thật kín.

Bước 3: Sau 20 đến 30 ngày, nước quả được chiết ra tạo thành xi rô. Gạn dịch tiết vào lọ thủy tinh sạch khác để tiện sử dụng.

III. THU HOẠCH

1. HS trình bày lại được quy trình thực hành làm xi rô.
2. Sản phẩm xi rô thơm ,ngon có vị ngọt thanh, có vị chua đặc trưng tùy vào loại trái cây mà các em lựa chọn.

Trả lời câu hỏi:

1. Vì sao phải đậy lọ thủy tinh thật kín trong quá trình ủ lên men xirô?

.....

.....

.....

2. Trong quá trình làm xi rô cần lưu ý những điểm nào để hạn chế sản phẩm bị hư thối?

.....

.....

.....

Tiết 27. VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG QUÁ TRÌNH BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được một số nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn lương thực, thực phẩm.
- Biết được cách sử dụng các đồ dùng nấu nướng và ăn uống sạch, cách chuẩn bị thực phẩm sạch và giữ gìn vệ sinh nơi ăn uống và chế biến thực phẩm
- Biết được cách sử dụng các vật liệu bao gói thực phẩm sạch sẽ và thích hợp
- Biết được cách lựa chọn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng và bảo đảm vệ sinh an toàn

2. Về kỹ năng:

- Rèn kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp tài liệu.
- Kỹ năng làm việc nhóm.
- Thuyết trình trước đám đông

3. Về thái độ:

Có ý thức giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình lựa chọn, bảo quản và chế biến lương thực thực phẩm.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC: Các em cùng thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:

1. Em nghĩ gì về vấn đề: Ngày nay các nhà sản xuất và các lái buôn đã quá lạm dụng các hóa chất độc hại trong quá trình bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm mà không quan tâm đến sức khỏe người tiêu dùng? Lấy ví dụ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Em hãy nêu một số nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn lương thực, thực phẩm?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Em hãy nêu một số giải pháp để chọn được các thực phẩm có giá trị dinh dưỡng và bảo đảm vệ sinh an toàn?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Trong quá trình bảo quản và chế biến cần lưu ý những điều gì để bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI THAM KHẢO:

BẢO QUẢN RAU - CỦ - QUẢ BẰNG PHƯƠNG PHÁP LÀM LẠNH

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được những loại thực phẩm nào không nên bảo quản trong tủ lạnh.
- Nắm được những loại thực phẩm cần bảo quản ngay trong tủ lạnh ngay khi mới mua về.
- Biết được những điều cần lưu ý khi bảo quản rau củ quả trong tủ lạnh.
- Biết lựa chọn hình thức bảo quản rau củ quả phù hợp với gia đình.

2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng cẩn thận thu thập, xử lý thông tin.

3. Về thái độ:

Quan tâm, chăm lo đến sức khỏe của bản thân và gia đình.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

Bài tập 1. Vì sao rau củ quả thường được chúng ta lựa chọn bảo quản trong tủ lạnh?

Nhiệt độ là yếu tố chính quyết định thời gian bảo quản rau củ quả. Ở môi trường nhiệt độ thấp sẽ làm chậm quá trình sinh hóa trong rau củ quả và ức chế hoạt động của vi sinh vật. Bên cạnh đó nguyên sinh chất của tế bào rau củ quả sẽ co lại khi gặp nhiệt độ thấp, làm giảm tính thẩm thấu của màng tế bào, giảm khả năng trao đổi chất làm cho rau củ quả lâu bị hư hỏng.

Bài tập 2: Em hãy cho biết khi bảo quản rau quả tươi trong tủ lạnh cần lưu ý những điều gì?

- **Loại bỏ phần hư hỏng, giập nát trước khi cho vào tủ lạnh:** Phần rau quả bị hư, giập nát thường sản sinh ra khí ethylen và gây ảnh hưởng đến phần nguyên vẹn còn lại hoặc lây lan sang những thực phẩm xung quanh.
- **Không nên rửa rau củ trước khi cho vào tủ lạnh:** Để rau ướt lâu trong tủ lạnh có thể gây úng hay thối rửa vì tạo điều kiện thuận lợi cho vi khuẩn, nấm mốc phát triển.
- **Bảo quản riêng rau củ và trái cây:** Trái cây (táo, đu đủ, chuối, bơ, cà chua...) thường sinh ra khí ethylen do tiếp tục quá trình chín của chúng và rau xanh (rau diếp cá, chanh, cà rốt, đậu, dưa chuột, đậu hà lan, ớt, khoai tây...) hấp thụ khí này sẽ dễ ứ vàng, hư hỏng hoặc thay đổi mùi vị. Do đó, chúng ta nên sử dụng túi/hộp đựng riêng cho từng loại.
- **Không cắt nhỏ rau củ trước khi cho vào tủ lạnh:** Lưu ý rằng bạn không nên cắt nhỏ rau, củ trước khi cho vào tủ lạnh vì vừa khiến thực phẩm mất đi hàm lượng đinh dưỡng quan trọng, vừa dễ dàng tạo điều kiện thuận lợi cho vi khuẩn sinh trưởng.
- **Sử dụng túi, hộp nhựa chuyên dụng để đựng rau củ:** Chúng ta nên sử dụng các túi hoặc hộp nhựa chuyên dụng để bảo quản từng loại rau củ quả để đảm bảo kín khí cũng như vệ sinh, an toàn.

- **Lưu ý thời gian bảo quản:** Thời gian bảo quản của mỗi loại rau quả thường không giống nhau và còn phụ thuộc vào môi trường trong tủ lạnh. Thông thường, có thể bảo quản thực phẩm từ 3–7 ngày.
- **Theo dõi nhiệt độ bảo quản:** Đảm bảo nhiệt độ bảo quản từ 1 – 4 độ C.
- **Lau dọn tủ lạnh thường xuyên:** Để có môi trường sạch sẽ, thông thoáng, tránh nhiễm khuẩn chéo thì bạn phải lau dọn tủ lạnh thường xuyên.

Bài tập 3: Em hãy liệt kê những loại rau củ quả không nên bảo quản trong tủ lạnh:

- *Tỏi:* giữ trong một khu vực khô, thông gió tốt.
- *Hành tây:* đừng lưu trữ gần khoai tây – chúng sẽ bị hỏng nhanh hơn.
- *Khoai tây:* tránh xa hành tây; lưu trữ ở nơi khô ráo, thoáng mát.
- *Khoai lang:* bạn cần tránh xa nhiệt độ và ánh sáng.
- *Quả bí* (bao gồm cả quả bí rợ và bí đỏ): lưu trữ ở nơi khô thoáng.

Có thể bảo quản các loại củ, quả này ở nơi thoáng mát, khô ráo trong nhà bếp hoặc khu vực đựng thức ăn của mình. Trong môi trường nhiệt độ tủ lạnh có thể gây tổn hại cho hương vị và kết cấu của các loại thực phẩm này.

Bài tập 4: Em hãy liệt kê những loại rau củ quả cần bảo quản bên ngoài cho đến khi chín mới được bảo quản trong tủ lạnh?

Ở nhiệt độ lạnh thì các loại củ quả này sẽ ngừng quá trình “chín”. Vì vậy chúng ta cần bảo quản ở nhiệt độ thường cho đến khi chúng chín hoàn toàn, sau đó có thể cho vào tủ lạnh để bảo quản được lâu hơn.

- Bơ (nếu muốn bơ chín nhanh hơn, bạn nên để bơ trong 01 chiếc túi giấy)
- Lê (nếu muốn lê nhanh chín, bạn đặt quả lê chung với 1 quả táo)
- Cà chua, Dưa, Đào, Mận, Chuối, Đu đủ, Xoài

Bài tập 5: Em hãy liệt kê những loại rau củ quả cần làm lạnh ngay sau khi mua về?

- Cần tây, súp lơ xanh: Bọc cần tây, súp lơ xanh trong giấy bạc trước khi cho vào tủ lạnh, để được tới 4 tuần
- Gừng: nên bảo quản trong tủ lạnh, tươi lâu, dễ bóc vỏ và thái nhỏ
- Nấm: bỏ vào túi giấy, không nên để trong túi ny-lon sẽ làm cho chúng hư hỏng nhanh hơn.
- Cam, quýt: có thể để ở nhiệt độ phòng nhưng ko để dc lâu bằng cách gói trong túi nhựa, cất vào ngăn mát tủ lạnh.
- Táo: cất vào ngăn để rau trong tủ lạnh (2 tuần)
- Măng tây: Quấn quăn kết thúc bằng khăn giấy ẩm ướt và để trong túi nhựa hoặc cắm vào lọ có nước, phủ lên 1 lớp ny-lon
- Củ cải: Cắt những măng xanh và làm lạnh chúng một cách riêng biệt.
- Bông cải xanh, Bắp cải: Lưu trữ trong một bao nhựa mở trong crisper.
- Cà rốt: Loại bỏ các đỉnh màu xanh lá cây; giữ trong túi nhựa trong crisper.

- Ngô: Giữ vỏ trấu cho đến khi sẵn sàng để nấu.
- Cà tím, Hành xanh, Dưa chuột, Quả bí: Giữ trong túi nhựa.
- Đậu xanh: Lưu trữ trong bao bì kín hoặc túi kín.
- Xà lách: Giữ trong túi nhựa lỏng lẻo đóng trong crisper.
- Đậu Hòa Lan: Lưu trữ trong túi nhựa đục lỗ.
- Củ cải: Tháo các mảng xanh trước khi cất trong túi nhựa.

CHỦ ĐỀ 6. TẠO LẬP DOANH NGHIỆP

Tiết 28. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN KINH DOANH VÀ DOANH NGHIỆP.

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

Biết được một số khái niệm liên quan đến kinh doanh, doanh nghiệp và công ty.

1. Về kỹ năng:

Kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu.

2. Về thái độ:

Khơi dậy niềm đam mê hứng thú với lĩnh vực tạo lập doanh nghiệp.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Khái niệm kinh doanh

Là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường mà cho phép nhằm mục đích

2. Cơ hội kinh doanh

..... để nhà doanh nghiệp thực hiện được mục tiêu kinh doanh

3. Thị trường

3.1 Khái niệm thị trường

+

+

3.2 Phân loại thị trường

+ Thị trường: TT hàng điện máy xanh, thị trường hàng nông sản, thị trường vật liệu xây dựng.

+ Thị trường: Dịch vụ, vận tải, bưu chính viễn thông, văn hóa du lịch....

+ Thị trường: TT đa phương, thị trường toàn quốc.

+ Thị trường: Thị trường khu vực, thị trường thế giới.

4. Doanh nghiệp

4.1 Khái niệm Doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp là tổ chức có, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

4.2 Các loại hình doanh nghiệp:

- +
- +
- +

5. Công ty

5.1 Khái niệm Công ty:

Công ty là loại hình doanh nghiệp có, trong đó các thành viên cùng, tương ứng với phần góp vốn của mình.

5.2 Các loại hình Công ty:

Theo luật doanh nghiệp năm 2014 và năm 2020. Có 3 loại công ty:

- +
- +
- +

C. BÀI TẬP

1. Phân biệt công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh?

Công ty Tiêu chí so sánh	Công ty TNHH	Công ty Cổ phần	Công ty hợp danh
Số thành viên/Cổ đông	Có từ ... thành viên trở lên và không quá người	Số lượng cổ đông từ	Có ít nhất thành viên là chủ sở hữu (thành viên hợp danh) và thành viên
Trách nhiệm của thành viên/cổ đông	Chủ sở hữu Công ty có các Quyền, Nghĩa vụ tương ứng với	Các Cổ đông chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản vay, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số	-Thành viên hợp danh phải chịu trách nhiệm bằng -Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các
Phát hành chứng khoán	Công ty TNHH.....quyền phát hành Cổ phiếu	Công ty CPhành Cổ phiếu	 bất cứ loại chứng khoán nào
	-Việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên được thực	Các Cổ đông của Công ty có quyền	Thành viên hợp danh không được quyền chuyển một phần

Chuyển nhượng vốn góp	hiện - Việc chuyển nhượng phần vốn góp cho người khác không phải là thành viên phải được sự nhất trí của nhóm thành viên đại diện cho ít nhất $\frac{3}{4}$ số vốn điều lệ của công ty.	 chuyển nhượng Cổ phần của mình cho người khác.	hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty. cho người khác, Nếu
------------------------------	--	--	---

Tiết 29. MỘT SỐ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP QUY MÔ NHỎ

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được đặc điểm của kinh doanh hộ gia đình.
- Biết được đặc điểm, những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp nhỏ.
- Biết được các lĩnh vực kinh doanh phù với doanh nghiệp nhỏ, phân biệt được giữa kinh doanh hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ.

2. Về kỹ năng:

Có kỹ năng lựa hình thức kinh doanh phù hợp với điều kiện bản thân, địa phương.

3. Về thái độ:

Có ý thức bảo vệ các ngành nghề truyền thống của quê hương, địa phương.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. KINH DOANH HỘ GIA ĐÌNH

1.1. Đặc điểm kinh doanh hộ gia đình

- KDHGD bao gồm:
- Đặc điểm KDHGD:
 - + Là một loại hình kinh doanh,..... Cá nhân (chủ gia đình) là chủ và tự .chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh.
 - + Quy mô kinh doanh
 - + Công nghệ kinh doanh
 - + Lao động thường là

1.2. Tổ chức vốn kinh doanh hộ gia đình:

- Vốn kinh doanh được chia làm hai loại:
- Nguồn vốn chủ yếu là của
- Nguồn vốn khác:

1.3. Tổ chức sử dụng lao động của kinh doanh hộ gia đình:

- Sử dụng lao động của

- Tổ chức việc sử dụng lao động

1.4. Xây dựng kế hoạch kinh doanh hộ gia đình:

- Kế hoạch bán sản phẩm do gia đình sản xuất ra:

.....

- Kế hoạch mua gom sản phẩm để bán:

.....

2. DOANH NGHIỆP NHỎ?

2.1. Sơ đồ tóm tắt doanh nghiệp nhà

-
-
-

2.2. Nguồn thu lãi và khấu hao của doanh nghiệp nhà.

- Nguồn lãi:

+
 +
 +

- Khấu hao:

+
 +
 +
 +

2.3. Các lĩnh vực kinh doanh phải hợp với doanh nghiệp nhà.

- Hoạt động sản xuất hàng hóa.

+
 +

- Hoạt động thương mại.

+

+.....

- *Ho't @éng dPch vô:*

+.....

+.....

+.....

C. BÀI TẬP

1. So sánh sự khác biệt giữa kinh doanh hộ gia đình và Doanh nghiệp nhỏ?

Hình thức KD Chỉ tiêu so sánh	Kinh doanh hộ gia đình	Doanh nghiệp nhỏ
Lao động, vốn	Sử dụng số lượng lao động dưới	-Trong lĩnh vực nông,lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp xây dựng, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội/ năm không quá người và tổng doanh thu/năm không quá tỷ đồng, vốn không quá - Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội không quángười và tổng doanh thu/năm không quá, tổng nguồn vốn không quá
Thủ tục hành chính	Thủ tục Chỉ cần đăng kí kinh doanh ở cấp huyện và không cần con dấu	Phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phải có trong quản lý.
Sổ sách chứng từ	Không cần phải thực hiện hàng tháng. Chỉ cần thực hiện chế độ chứng từ kế toán gọn nhẹ, đơn giản.	Doanh nghiệp nhỏ phải thực hiện theo đúng quy định của cơ quan quản lý.
Thuế, phí	Chỉ phải nộp những loại thuế nhỏ như:	Phải nộp nhiều loại thuế phí hơn như:

2. Phân biệt nguồn vốn cố định và vốn lưu động của kinh doanh hộ gia đình?

Vốn cố định	Vốn lưu động
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

.....	
.....	
.....	

Tiết 30. LỰA CHỌN LĨNH VỰC KINH DOANH

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được các lĩnh vực kinh doanh và căn cứ để xác định lĩnh vực kinh doanh.
- Biết được thế nào là lĩnh vực kinh doanh phù hợp.
- Hiểu được các bước của quy trình lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp.
- Biết liên hệ với ngành nghề phù hợp với địa phương.

2. Về kỹ năng:

Trau dồi kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp.

3. Về thái độ:

Hứng thu, đam mê với lĩnh vực kinh doanh.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC:

1. Xác định lĩnh vực kinh doanh

1.1. Lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực: Sản xuất nông nghiệp, Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp
- Lĩnh vực : Đại lý bán hàng, Mua bán trực tiếp
- Lĩnh vực : Sửa chữa, Bưu chính viễn thông, văn hoá du lịch

1.2. Căn cứ để xác định lĩnh vực kinh doanh

-
-
-
-

1.3 Lĩnh vực kinh doanh phù hợp

- Là lĩnh vực cho phép doanh nghiệp thực hiện được,.....và không ngừng nâng của DN.

2. Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh

2.1: Phân tích

- Phân tích môi trường kinh doanh
 - +
 - +
- Phân tích, đánh giá năng lực đội ngũ lao động của doanh nghiệp.
 - +
 - +

- Phân tích khả năng đáp ứng của doanh nghiệp.
- Phân tích điều kiện
- Phân tích tài chính.
 - +
 - +
 - +
 - +

2.2. Quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp nhất

Trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhà kinh doanh đi đến quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp.

C. BÀI TẬP

Câu 1: Khi xác định lĩnh vực kinh doanh người ta sẽ dựa vào 4 căn cứ cơ bản. Trong 4 căn cứ đó, căn cứ nào là quan trọng nhất?

- A. Nhu cầu thị trường
- B. Đảm bảo mục tiêu của Doanh Nghiệp
- C. Huy động hiệu quả mọi nguồn lực của Doanh Nghiệp và xã hội
- D. Hạn chế thấp nhất những rủi ro đến với Doanh Nghiệp và xã hội.

Câu 2: Nhà bạn Lan đang kinh doanh mặt hàng: thuê tranh chữ thập để bán. Vậy theo em bạn Lan đang lựa chọn kinh doanh lĩnh vực nào?

- A. Sản xuất nông nghiệp
- B. Dịch vụ văn hóa du lịch
- C. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp
- D. Thương mại

Câu 3: Nhà bạn An ở trung tâm của một thành phố lớn, Bạn lại có một mảnh đất khá lớn, người lưu thông qua lại rất đông. Bạn đang có ý định sẽ kinh doanh, vậy theo em bạn nên lựa chọn hình thức kinh doanh nào là phù hợp nhất ?

- A. Mở 1 trang trại nuôi lợn để bán
- B. Mở 1 công ty sản xuất phân bón và vật tư nông nghiệp
- C. Mở 1 nhà hàng ăn quy mô lớn
- D. Mở 1 tiệm sửa xe nhỏ

TIẾT 31. THỰC HÀNH: LỰA CHỌN CƠ HỘI KINH DOANH

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

Biết được cách lựa chọn và xác định được cơ hội kinh doanh phù hợp.

2. Về kỹ năng:

Kỹ năng làm việc nhóm, trình bày trước đám đông

3. Về thái độ:

Có thái độ làm việc nghiêm túc, tạo hứng thú tìm hiểu về kinh doanh.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

TÌNH HUỐNG 1: ANH HÙNG KINH DOANH MỞ QUÁN CÀ PHÊ

Anh Hùng tốt nghiệp trường THPT ở 1 huyện vùng núi nghèo chủ yếu sống bằng nghề nông. Sau khi tốt nghiệp anh không thi vào đại học vì lực học của anh hơi yếu. Một dịp kia anh lên chơi 1 người bạn hiện đang làm ăn ở thành phố, qua những lần đi chơi với bạn, anh thấy các quán cà phê buổi tối ở đây rất đông khách. Vậy là anh nảy ra ý tưởng “tại sao mình không mở 1 quán cà phê ở quê mình nhỉ”? Vì ở đó chưa có quán cà phê nào, và lại gia đình anh có một mảnh vườn có diện tích rất lớn gần 200m² hiện đang trồng bưởi Da Xanh.

Vậy là anh quyết định về nhà xin bố mẹ ½ diện tích mảnh vườn để mở quán cà phê. Để có vốn đầu tư, anh xin bố mẹ, số còn lại anh vay anh, chị, em. Anh Cho chặt bỏ toàn bộ những cây bưởi da xanh có trong vườn và cho lán lại xi măng, dựng lều và mua bàn ghế, trang thiết bị. Tổng chi phí hết khoảng 300 triệu đồng.

Sau 1 thời gian thi công bây giờ quán anh đã đi vào hoạt động. Thông tin anh mở quán lan đi rất nhanh trong thôn vì vậy trong suốt những ngày đầu hoạt động, khách kéo đến rất đông, thành phần cũng rất đa dạng bao gồm: thanh niên nam nữ, các cô, các bác, các em nhỏ, có ngày không có đủ chỗ ngồi, doanh thu trong những ngày đầu trừ các khoản chi phí anh còn lời khoảng 200 ngàn đồng/1 ngày.

Sau gần nửa tháng hoạt động anh quyết định xin bố mẹ ½ mảnh vườn còn lại để mở rộng quán.

TÌNH HUỐNG 2: CHỊ LAN KINH DOANH HOA

Gia đình chị Lan ở vùng ven Thị Xã, nhà chị có mảnh vườn khoảng 1 héc-ta, nhưng từ trước đến nay thường chỉ trồng rau để nuôi lợn nên kinh tế gia đình cũng khó có thể khá lên được.

Sau một thời gian tìm hiểu và được sự tư vấn của kỹ sư nông nghiệp, Chị quyết định cải tạo mảnh vườn để trồng hoa, vì từ nhà chị lên Thị Xã chỉ mất chưa tới 1h đồng hồ.

Chị đã tham gia một lớp học về kỹ thuật trồng hoa và mua giống các loại hoa như: hoa cúc, hoa huệ, hoa đồng tiền và hoa hồng để trồng thành những luống hoa đủ màu sắc, Vốn đầu tư cho vườn hoa của chị chỉ khoảng vài triệu đồng nên chị không phải đi vay thêm.

Chị đã liên hệ với một số điểm bán hoa ở thị xã. Hàng ngày chị Lan thức dậy sớm cắt hoa đưa ra bỏ mồi cho các cửa hàng hoa ở thị xã. Hoa của chị đẹp lại rất tươi nên bán rất đắt khách. Đến nay chị đã không phải tự đưa hoa cho các cửa hàng nữa mà họ đã tới lấy hoa tại vườn của chị. Chị mướn thêm nhân công và chị chỉ quản lý khâu kỹ thuật trồng và chăm sóc hoa.

Tới mùa hoa, bình quân mỗi tháng chị thu nhập được gần 25 triệu đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí chị cũng thu lãi được khoảng 8 triệu đồng/tháng.

GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG:

Câu 1: Lĩnh vực mà chị Lan lựa chọn kinh doanh là lĩnh vực gì?

Câu 2: Theo em Chị Lan/anh Hùng lựa chọn cơ hội kinh doanh có phù hợp với nơi chị ở và khả năng của mình không? Vì sao?

Câu 3: Tại sao chị Lan/ anh Hùng lại quyết định lựa chọn mô hình kinh doanh này?

Câu 4: Để có vốn kinh doanh chị Lan/anh Hùng đã huy động vốn từ đâu?

Câu 5: Hiện tại Chị Lan/ anh Hùng kinh doanh có hiệu quả hay không?

Câu 6: Theo em việc kinh doanh của chị Lan/ anh Hùng trong tương lai có triển vọng không?

Tiết 32. XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH KINH DOANH

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được các căn cứ để lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết được nội dung và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp

2. Về kỹ năng:

Kỹ năng xây dựng kế hoạch, tính toán một cách hợp lý.

3. Về thái độ:

Hứng thú với các hoạt động kinh doanh

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. **Khái niệm kế hoạch kinh doanh?**

Là văn bản thể hiện hoạt động nhằm thực hiện được của doanh nghiệp trong

2. **Các căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp**

-
-
-
-

3. **Nội dung kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp**

-
-
-
-
-

4. **Phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp?**

- Kế hoạch bán hàng =
- Kế hoạch mua hàng =
- Kế hoạch sản xuất =
- Kế hoạch tài chính =
- Kế hoạch lao động =

Tiết 33. THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được các bước triển khai thành lập doanh nghiệp.
- Nắm bắt được phương pháp nghiên cứu thị trường

- Biết được trình tự lựa chọn cơ hội kinh doanh.
- Biết được trình tự đăng ký kinh doanh

2. Về kỹ năng:

Biết thu thập và xử lý thông tin.

3. Về thái độ:

Có thái độ nghiêm túc khi các em có nhu cầu muốn khởi nghiệp.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Ý t-ëng kinh doanh

-
-

2. TriÖn khai thưng lËp doanh nghiÖp

2.1. Phân tích, xây dựng phương án kinh doanh của doanh nghiệp

- a. Xác định thị trường của doanh nghiệp: Gồm và
- b. Nghiên cứu thị trường của doanh nghiệp: là nghiên cứu với sản phẩm hàng hóa của DN nhằm tìm ra phần thị trường cho DN, từ đó xác định được ảnh hưởng đến → nhằm giúp cho Doanh nghiệp hình thànhqua đồng thời có các biện đến với doanh nghiệp.
- c. Xác định khả năng kinh doanh của doanh nghiệp.
- d. Lựa chọn cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp:

- Nội dung :

- +
- +
- +

- Quy trình lựa chọn cơ hội kinh doanh

- +
- +
- +
- +
- +
- +
- +

2.2. Đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp

- Trình tự đăng kí thành lập doanh nghiệp
- Hồ sơ đăng kí thành lập doanh nghiệp: (Tùy vào loại hình doanh nghiệp mà có yêu cầu hồ sơ khác nhau , xem luật kinh doanh năm 2020)
- Nội dung kinh doanh của doanh nghiệp:(xem luật kinh doanh năm 2020)

Tiết 34, 35. QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được việc tổ chức và quản lý của Doanh nghiệp.
- Biết được nội dung và phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp.
- Biết được một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1. Về kỹ năng:

Mục tiêu kỹ năng: phát triển kỹ năng phân tích và hệ thống hóa.

2. Về thái độ:

Có thái độ nghiêm túc và tôn trọng với các ngành nghề liên quan đến kinh doanh

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Xác lập cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp

a. Đặc trưng cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp

- + Tính tập trung: Thể hiện quyền lực của tổ chức tập trung vào
- + Tính tiêu chuẩn hóa: Đòi hỏi các trong doanh nghiệp hoạt động trong

b. Đặc điểm của mô hình cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp

- Với doanh nghiệp có quy mô nhỏ: mô hình có cấu trúc đơn giản:
 - +
 - +
 - +
- Doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn sẽ có mô hình cấu trúc phức tạp:
 - + Cấu trúc theo chức năng chuyên môn (Hình 55.2)
 - + Cấu trúc theo ngành hàng kinh doanh (Hình 55.3)

1.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp

- Phân chia nguồn lực của doanh nghiệp. Bao gồm:
 - +
 - +
 - +
- Theo dõi thực hiện kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.
 - +
 - +
- Tìm kiếm huy động vốn kinh doanh
 - +

- +
- +
- +

2. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

2.1. *Hạch toán kinh tế trong Doanh nghiệp*

a. *Hạch toán kinh tế là gì?*

.....

b. *Ý nghĩa của hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp:*

Nếu doanh thu > chi phí 

Nếu doanh thu < chi phí 

Hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp nhằm

.....

c. *Nội dung hạch toán kinh tế trong kinh doanh:*

- *Xác định*: là lượng tiền hoặc tiền thu được từ hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp trong 1 khoảng thời gian nhất định.
- *Xác định* Là khoản mà chủ DN phải trong thời kỳ kinh doanh để đạt được doanh thu nhất định.
- *Xác định*: Là phần giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trong 1 khoảng thời gian nhất định.

d. *Phương pháp hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp:*

- *Doanh thu* =
- *Chi phí kinh doanh* =

- *Lợi nhuận* =

2.2. *Tiêu chí để đánh giá hiệu quả kinh doanh:*

-
-
-
-
- Các chỉ tiêu khác như: Thu nhập của người lao động, mức đóng góp cho ngân sách, mức độ đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

2.3. *Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp*

-
-
-
-

Tiết 36. THỰC HÀNH: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Xác định được các kế hoạch kinh doanh hộ gia đình và doanh nghiệp phù hợp với khả năng.
- Biết cách hạch toán chi phí và thu nhập cho một doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ.

2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu.
- Rèn luyện kỹ năng tính toán, và kỹ năng làm việc nhóm

3. Về thái độ:

Hăng sau lao động, đam mê kinh doanh

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

Bài tập 1: *Xác định kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp, Các em vận dụng nội dung lý thuyết phần kế hoạch kinh doanh, đọc tình huống ở phần II bài 56 (có điều chỉnh) để trả trả lời các câu hỏi trong phần giải quyết tình huống.*

Giải quyết tình huống

- Kế hoạch tổng mức bán hàng của DN =
- Mức bán ở từng thị trường của doanh nghiệp.
 - + Mức bán ở thị trường địa phương =
 - + Mức bán ở thị trường lân cận =
 - + Mức bán ở thị trường khác =
- KH tổng mức mua hàng của DN = Mức mua (Hàng A+ Hàng B+ Hàng C) =
- Kế hoạch mua từng mặt hàng và từng nguồn hàng
 - + KH mua mặt hàng A ở cơ sở 1 là:
 - + KH mua mặt hàng A ở cơ sở 2 là:
 - + KH mua mặt hàng B ở cơ sở 1 = cơ sở 2 là:
 - + KH mua mặt hàng C ở cơ sở 1 là:
 - + KH mua mặt hàng C ở cơ sở 2 là:
 - + KH mua mặt hàng C ở cơ sở 3 là:
- Tổng mức chi phí của DN =
- Lợi nhuận của DN =

Bài tập 2: *Hạch toán hiệu quả kinh doanh, Các em vận dụng nội dung lý thuyết phần QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, đọc tình huống 1 ở phần III bài 56 (Có điều chỉnh) để trả trả lời các câu hỏi trong phần*

Giải quyết tình huống

- *Tính tổng doanh thu của doanh nghiệp*
= Tổng doanh thu ăn sáng + Tổng doanh thu bán cơm + Tổng doanh thu giải khát:
- *Tổng chi phí kinh doanh:*
= Tổng chi phí mua hàng hóa + Chi phí tiền công + chi phí khác
- *Lợi nhuận :*

Tiết 37, 38, 39 - LẬP DỰ ÁN KINH DOANH

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. *Kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:*
 - Biết được cách xác định và lựa chọn cơ hội kinh doanh phù hợp
 - Phân tích được thuận lợi và khó khăn trong quá trình kinh doanh.
 - Phân tích được các yếu tố để thành lập doanh nghiệp
 - Xây dựng được kế hoạch kinh doanh cho một doanh nghiệp
2. *Kỹ năng:* Bằng việc thực hiện chuyên đề này học sinh sẽ phát triển được rất nhiều kỹ năng như:
 - Kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm
 - Kỹ năng thao khảo, xin ý kiến về cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Kỹ năng soạn thảo văn bản, powerbol, thuyết trình.
 - Kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.
3. *Thái độ*
 - Có thái độ nghiêm túc trong công việc.
 - Say mê, tìm tòi và biết cách sử dụng các nguồn tài liệu để áp dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

B. NỘI DUNG DỰ ÁN:

I. YÊU CẦU SẢN PHẨM.

- Sản phẩm gồm: 1 bài thuyết trình bằng powerpoir và 1 bài in thành tập gồm những nội dung sau:
- 1 trang bìa có ghi tên: lĩnh vực kinh doanh, tên lớp, tên nhóm
- 1 bảng danh sách nhóm và phân công cho các thành viên trong nhóm của nhóm trưởng
- Phần nội dung. Bao gồm:

Phần 1: Giới thiệu:

1. Tên Hoạt động kinh doanh
2. Khẩu hiệu của doanh nghiệp.
3. Địa điểm kinh doanh
4. Nguồn vốn.
5. Số lao động và phân công lao động cho doanh nghiệp.

Phần 2: Thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp:

1. Thuận lợi
2. Khó khăn

Phần 3: Xây dựng kế hoạch kinh doanh

1. Kế hoạch bán hàng
2. Kế hoạch mua hàng (Nếu có)
3. Kế hoạch tài chính
4. Kế hoạch lao động.
5. Kế hoạch sản xuất (Nếu có)

Phần 4: Thành lập doanh nghiệp

1. Phân tích thị trường
2. Đội ngũ lao động.
4. Điều kiện cơ sở vật chất.
5. Phân tích tài chính.

Phần 5: Quản lý doanh nghiệp.

1. Cách tổ chức lao động
2. Tổ chức sử dụng và huy động vốn
3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.
4. Lợi tức
5. Mục tiêu chiến lược kinh doanh

Phần 6: Ý kiến của nhóm sau khi lập bản dự án kinh doanh này

II . TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM

1/ Ý tưởng của dự án có tính khả thi (1 điểm)

- Hấp dẫn người nghe, có tính khả thi, lợi nhuận cao, có tính thực tiễn, có triển vọng.

2/ Phù hợp với nhu cầu thị trường (1 điểm)

3/ Các chi tiết của đề án bao gồm: vốn, lao động, lợi nhuận, rủi ro, kế hoạch có hợp lý hay không (4 điểm)

4/ Hình thức (2 điểm)

- Font chữ, cỡ chữ và hình ảnh có kích thước phù hợp, dễ nhìn, dễ đọc.
- Powerpoint thiết kế đẹp, hợp lý

5/ Trình bày (2 điểm)

- Người trình bày đã luyện tập và nắm vững nội dung kế hoạch
- Trình bày lưu loát, diễn cảm
- Nhóm trình bày trả lời tốt các câu hỏi được đặt ra

CHỦ ĐỀ 7. GIÁO DỤC TÀI CHÍNH

Tiết 40. TÌM HIỂU VỀ TIỀN VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC HỌC CÁCH QUẢN LÝ TIỀN BẠC HIỆU QUẢ

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được khái niệm của đồng tiền.
- Biết được các hình thức có thể thay thế cho tiền mặt.
- Hiểu đúng vai trò và tầm quan trọng của tiền bạc.

2. Về kỹ năng:

- Lựa chọn được hình thức thanh toán phù hợp với bản thân.
- Nghiên cứu, tham khảo tài liệu.

3. Về thái độ:

- Có ý thức xây dựng những giá trị sống tốt đẹp cho bản thân.
- Cân nhắc kỹ trước khi quyết định chi tiêu.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1: Tiền là gì?

.....

.....

3. Những hình thức nào có thể thay thế cho tiền mặt

-
-
-
-
-
-
-

3. Lịch sử hình thành và phát triển của đồng tiền

- Giai đoạn 1:
- Giai đoạn 2:
- Giai đoạn 3:
- Giai đoạn 4:

4. Vai trò của tiền

- Tiền đóng vai trò khá quan trọng trong cuộc sống:
-
-
-

–

5. Lợi ích chương trình giáo dục tài chính

Tham gia chương trình giáo dục tài chính, giúp chúng ta **hiểu hơn về các khái niệm liên quan đến tiền và biết các kỹ năng quản lý tiền một cách hiệu quả hơn**

C. BÀI TẬP:

1. Kiểm/ có được nhiều tiền có đồng nghĩa với việc cuộc sống của chúng ta luôn được đảm bảo về mặt tài chính hay không? Vì sao?

Có được nhiều tiền với việc cuộc sống của chúng ta luôn được đảm bảo về mặt tài chính. Nếu chúng ta thì sớm muộn gì tiền cũng sẽ hết.

2. Đồng tiền bằng Polimer xuất hiện đầu tiên ở quốc gia nào? Hiện nay có bao nhiêu quốc gia trên thế giới sử dụng đồng tiền bằng Polime?

-
-

3. Có phải mọi thứ trong cuộc sống này đều có thể định giá được bằng tiền?

-
.....
.....
.....
.....
.....

Tiết 41. NHU CẦU – MONG MUỐN

RA QUYẾT ĐỊNH CHI TIÊU

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Hiểu rõ sự khác nhau giữa nhu cầu và mong muốn.
- Có kỹ năng ra quyết định về các ưu tiên khi chi tiêu.

2. Về kỹ năng:

Biết được kỹ năng chi tiêu một cách hợp lý.

3. Về thái độ:

Cân nhắc kỹ trước khi quyết định chi tiêu.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Phân biệt nhu cầu và mong muốn

- Nhu cầu là những gì
.....
- Mong muốn là những gì.....
.....
- Giữa nhu cầu và mong muốn là, vì thế có những lúc chúng ta khó phân biệt và dễ nhầm tưởng khi ra quyết định chi tiêu.

2. Các bước khi ra quyết định chi tiêu

- Bước 1:
- Bước 2:
- Bước 3:

C. BÀI TẬP

1. Vì sao chúng ta cần phải phân biệt nhu cầu và mong muốn?

- Chúng ta cần phân biệt đâu là nhu cầu, đâu là mong muốn để
- Hạn chế chi tiêu theo có thể xảy ra trong cuộc sống hoặc để thực hiện những mục tiêu dự định trong tương lai.

2. Chúng ta cần phải làm gì để có thể theo dõi thu chi cá nhân? Và mục đích của việc theo dõi thu chi cá nhân?

- Để theo dõi thu chi cá nhân chúng ta cần phải.....
.....
- Mục đích của việc theo dõi thu chi cá nhân là để
.....

3. Mỗi tháng mẹ sẽ cho em 1000000 để chi tiêu các khoản tiêu vặt (ngoài tiền học). Em sẽ sử dụng số tiền đó như thế nào? Hãy lập bảng dự trù chi phí cá nhân trong 1 tháng?

BẢNG DỰ TRÙ CHI PHÍ CÁ NHÂN TRONG 1 THÁNG

Các khoản chi	Giá cả	Số lần/ ngày	Tổng cộng
TỔNG CHI PHÍ:			

Tiết 42. TIẾT KIỆM

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Hiểu được khái niệm tiết kiệm và lý do tại sao phải tiết kiệm.
- Biết được các bí quyết tiết kiệm phù hợp với tuổi học sinh.
- Xây dựng được kế hoạch tiết kiệm cho bản thân.

1. Về kỹ năng:

Có kỹ năng tiết kiệm một cách có hiệu quả nhất.

2. Về thái độ:

Có thái độ nghiêm túc với bản thân trong quá trình chi tiêu và tiết kiệm.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Tiết kiệm là gì? Lý do vì sao chúng ta phải tiết kiệm?

- *Tiết kiệm là:* Hình thức cất giữ ở hiện tại để sử dụng cho tương lai
- *Lý do chúng ta phải tiết kiệm:*
 - + Chi phí cho các trường hợp khẩn cấp: Hư xe, ốm đau...
 - + Chi phí cho các sự kiện trong tương lai được báo trước: Tuổi già, Đám cưới....
 - + Thực hiện những dự định trong tương lai: Học tập, mua sắm, du lịch...
 - + Chia sẻ với những người gặp khó khăn

2. Những khó khăn cản trở việc tiết kiệm, Giải pháp khắc phục

Khó khăn cản trở việc tiết kiệm	Cách giải quyết các khó khăn khi tiết kiệm.
.....	- - - -
.....	- - - -
.....	- -
.....	- -

3. Những hình thức tiết kiệm phù hợp

-
-
-
-

4. Một số bí quyết để có thể tiết kiệm thành công ?

- Phải có
- Chủ độngTrích ra tối thiểuđể tiết kiệm
- Tiết kiệm có thể có được từ việc
- Lưu ý tới khi mua.
- Cân nhắc khi mua hàng.

- Sử dụng hình thức với bản thân và đem lại

C .BÀI TẬP

1. Theo em khi lựa chọn hình thức tiết kiệm các em cần cân nhắc các yếu tố nào?

-
-
-
-
-

2. Em hãy cho biết điểm mạnh điểm yếu của các hình thức tiết kiệm?

CÁC CÁCH TIẾT KIỆM	ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
1.Tiết kiệm tại nhà (Bỏ trong heo, cất trong tủ...)	-.....	-
2.Gửi tiết kiệm ngân hàng. (Mở sổ tiết kiệm hay gửi tk tích lũy theo thời gian)	-.....	-
3.Tích trữ vàng hay ngoại tệ	-.....	-
4. Gửi ba mẹ, thầy cô hay bạn bè cất hộ.	-.....	-

3. Em hãy lập bảng kế hoạch tiết kiệm cá nhân?

Mục tiêu tiết kiệm	Số tiền đã có	Số tiền cần	Khi nào cần?	Số tiền cần tiết kiệm mỗi tuần	Số tiền cần tiết kiệm trong tháng	Xếp loại quan trọng
Ngắn hạn						
Dài hạn						
Tổng số tiền cần tiết kiệm:						

Tiết 43. THU NHẬP - CHI TIÊU LẬP KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH CÁ NHÂN

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Biết được nội dung của một bảng ngân sách cá nhân
- Lập được 1 bảng ngân sách cá nhân
- Sử dụng bảng ngân sách cá nhân để ghi chép thu chi trong 1 tháng

2. Về kỹ năng:

Lập được 1 bảng ngân sách cho cá nhân

4. Về thái độ:

Thấy được giá trị của việc lập kế hoạch cho mọi hoạt động trong cuộc sống cũng như chi tiêu tài chính.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Bảng ngân sách cá nhân:

- Bảng ngân sách cá nhân là một bảng
..... trong một khoảng thời gian nhất định.
- Bảng ngân sách cá nhân bao gồm những mục:
 - +
 - +
 - +
 - +

2. Lý do cần phải lập bảng Ngân sách cá nhân?

.....

3. Các bước lập ngân sách cá nhân?

- Bước 1: Ước tính có thể có trong 1 tuần/tháng.
- Bước 2: Ước tính trong cùng 1 tuần. Nên liệt kê theo nhóm
.....
- Bước 3: Ước tính từ đó có thể cân đối, điều chỉnh bản ngân sách của mình cho phù hợp.

C. BÀI TẬP

Em hãy hoàn thành bảng ngân sách cá nhân trong tháng.

BẢNG NGÂN SÁCH CÁ NHÂN 1 THÁNG

A	THU NHẬP	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	TỔNG
	Cố định/ thường xuyên						
	Không thường xuyên						
							

Tổng thu nhập							
B	CÁC KHOẢN CHI	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	TỔNG
DỰ TRỪ	Chi phí CẦN						
	Chi phí tùy ý						
	Chi phí chung (Tiền học, điện thoại...)						
	Chi phí phát sinh						
THỰC TẾ	Chi phí CẦN						
	Chi phí tùy ý						
	Chi phí chung (Tiền học, điện thoại...)						
	Chi phí phát sinh						
C	TIẾT KIỆM						
	Tổng tiền cần TK						
	Tổng chi phí:						

Tiết 44. CÁC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức: Sau khi học xong tiết này, học sinh phải:

- Hiểu được các dịch vụ ngân hàng cơ bản để có thể sử dụng khi cần.
- Biết cách sử dụng một số dịch vụ ngân hàng phù hợp với tuổi học sinh trung học như: Mở tài khoản cá nhân, tài khoản tiết kiệm và dịch vụ thẻ ATM

2. Về kỹ năng:

- Nghiên cứu, chọn lọc thông tin tài liệu cần thiết.

3. Về thái độ:

Nghiêm túc trong việc lựa chọn hình thức tiết kiệm cho bản thân

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Tài khoản cá nhân là gì?

Là tài khoản khách hàng lập tại ngân hàng để thực hiện các giao dịch như : mua, bán, chuyển, rút tiền thông qua hệ thống ATM. Internet bankinh...

2. Tài khoản tiết kiệm/ Tiền gửi tiết kiệm là gì? Có những hình thức gửi tiết kiệm nào?

+ Tài khoản tiết kiệm là khoản tiền của cá nhân được
..... theo quy định của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm và được hưởng bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

+ Có 2 loại tiền gửi tiết kiệm:

.....	
.....	

Chỉ có thể gửi hoặc rút hết tiền sau một kỳ hạn gửi tiền nhất định. Lãi suất có thể nhận đầu kỳ, hàng tháng, hàng quý hoặc cuối kỳ....	Có thể gửi và rút ra bất cứ lúc nào.
Mức lãi suất cao hơn. Nếu rút trước hạn sẽ không được hưởng mức lãi suất ban đầu mà sẽ chỉ được hưởng mức lãi suất không kỳ hạn	Mức lãi suất thấp.

3. Thẻ ATM là gì?

- + Là một loại thẻ theo tiêu chuẩn ISO dùng để thực hiện các giao dịch tự động như kiểm tra tài khoản, rút tiền, chuyển tiền hoặc chuyển khoản, thanh toán hóa đơn...do ngân hàng phát hành
- + Thẻ ATM được chấp nhận như một phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tại các điểm thanh toán chấp nhận thẻ.

Một số loại thẻ ATM :

Thẻ ghi nợ (Debit Card)	Thẻ ghi nợ là một loại thẻ thanh toán không dùng tiền mặt, được ngân hàng phát hành, dùng để chi tiêu trong phạm vi số tiền bạn có trong tài khoản. Để mở thẻ debit card, bắt buộc phải
Thẻ Tín dụng (Credit Card)	Là loại thẻ cho phép khách hàng để chi tiêu thanh toán trước, và sau trong một khoảng thời gian được quy định. Nếu quá hạn nợ (thông thường là sau 45 ngày kể từ ngày chi tiêu) , khoản nợ sẽ bị tính thêm lãi suất phạt trả chậm.
Thẻ trả trước (Prepaid)	Là loại thẻ mà khách hàng không cần, mà chỉ cần và chi tiêu trong giới hạn số tiền đã nạp tương tự như chiếc sim điện thoại.

4. Em hãy nêu một số lợi ích của việc gửi tiết kiệm?

-
-
-
-

5. Một số lưu ý khi muốn sử dụng các dịch vụ của ngân hàng:

- Công dân Việt Nam từ đủ trở lên có theo quy định của pháp luật.
- Công dân Việt Nam từ đủ
..... sự theo quy định của pháp luật.
- Đối với cá nhân nhỏ hơntuổi, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự :
 - + Khi muốn mở tài khoản tiết kiệm các em phải đi cùng
.....tài sản đó là của các em.

- + Các em cũng có thể nhờ mở 1 tài khoản tiết kiệm sau đó cho các em. Kể từ những lần sau các em có thể tự mình đến ngân hàng để rút hoặc gửi tiền (nhớ mang theo CMND).
- + Nếu muốn mở 1 tài khoản ATM em có thể nhờ cha mẹ mở 1 và mở các em.

Tiết 45. GIAO TIẾP GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI VỀ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TIỀN BẠC.

A. MỤC TIÊU TIẾT HỌC

1. Về kiến thức:

- Biết được một số bí quyết để giao tiếp với cha mẹ về vấn đề liên quan đến tiền bạc.

2. Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giao tiếp với cha mẹ về vấn đề liên quan đến tiền bạc.

3. Về thái độ:

- Quan tâm đến kinh tế gia đình, biết chi tiêu sao cho phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

B. NỘI DUNG TIẾT HỌC

1. Chúng ta có thể thảo luận với cha mẹ về những vấn đề gì liên quan đến tiền bạc?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Lợi ích của việc thường xuyên trò chuyện với cha mẹ về các vấn đề liên quan đến tiền bạc là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

3: Những bí quyết giúp cuộc trò chuyện giữa em với cha mẹ về vấn đề liên quan đến tiền bạc có hiệu quả hơn?

Để việc trò chuyện hiệu quả hơn, các em cần:

.....

.....

.....

.....

.....

HẾT

CHÚC CÁC EM HỌC TỐT